

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

TAM CANG NGŨ THƯỜNG
Tam Càng Tử Đức
THEO QUAN NIỆM HIỆN ĐẠI
DẤ TRUNG TỬ

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2015
hai • không • một • năm

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **DAOCAODAL.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ DẤ TRUNG TỬ, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAL.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 29/01/2015

Tâm Nguyên

**TAM CANG NGŨ THƯỜNG
TAM TÙNG TỨ ĐỨC
THEO QUAN NIỆM HIỆN ĐẠI**
BIÊN SOẠN: DÃ TRUNG TỬ

MỤC LỤC

TIỂU DẪN	11
PHẦN I	
TAM CANG NGŨ THƯỜNG	13
A. TAM CANG	13
• 1. Quân Thân Cang	13
• 2. Phụ Tử Cang	14
• 3. Phu Thê Cang	22
B. NGŨ THƯỜNG.....	29
• 1. NHÂN	29
• 2. NGHĨA.....	35
• 3. LỄ.....	36
• 4. TRÍ.....	41
• 5. TÍN	45
• TIỂU KẾT.....	47
PHẦN II	
TAM TÙNG TỨ ĐỨC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ THEO QUAN NIỆM HIỆN ĐẠI	49
ĐẠI CƯƠNG	49
I. TAM TÙNG LÀ GÌ	51
• 1.1. Tại Gia Tùng Phụ.....	51
• 1.2. Xuất Giá Tùng Phu	52
• 1.3. Phu Tử Tùng Tử.....	55
2. TỨ ĐỨC.....	57
• 2.1. Công.....	57
• 2.2. Dung	59

• 2.3. Ngôn.....	62
• 2.4. Hạnh.....	63
• TIỂU KẾT.....	66
3. SỰ THĂNG HOA VỀ TAM TÙNG, TỬ ĐỨC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ CAO ĐÀI.....	67
• TIỂU KẾT.....	73
KẾT LUẬN.....	.79
TƯ LIỆU THAM KHẢO.....	.85



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

Tam cương, Ngũ thường và Tam tòng Tứ đức là đạo làm người, là tiêu chí tu dưỡng cho cả nam nữ...

Nên dù cho bất kỳ khuynh hướng nào, dù duy tâm hay duy vật, dù có tín ngưỡng hay bài bác thần linh, biên khảo này cũng có thể hữu ích cho con em của mình.

Dã Trung Tử

TIỂU DẪN

TÀM NGƯỜI, MẶC ĐẦU NAM HAY NỮ, ĐỀU PHẢI lấy tu thân làm căn bản cho Nhơn đạo, nghĩa là trước nên trau dồi thân tâm mình đạt đến Chân Thiện Mỹ, rồi sau mới lo phần xử thế là sửa việc nhà, lo việc nước và đóng góp vào công việc hòa bình thiên hạ, theo tiêu chí và thứ tự của cổ nhân gọi là tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Người xưa rất coi trọng đạo Tu thân, nên họ thường khuyên:

“Tu thiên tử dĩ chí ư thứ dân, nhứt thị giai dĩ tu thân vi bốn” (Từ vua đến kẻ thứ dân, người nào cũng phải tu thân làm gốc/ Đại Học, Phần dẫn nhập.)

Trái lại, nếu thân chẳng tu mà muốn tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, thì e rằng làm không thành; bởi vì gốc đã không vun quén để yếu ớt không ra gì, mà muốn cho ngọn phát triển sum sê, xanh tốt là điều không bao giờ có được.

Tam cương, Ngũ thường và Tam tòng Tứ đức là đạo làm người, là tiêu chí tu dưỡng cho cả nam nữ, ngay nam giới cũng phải giữ Công Dung Ngôn Hạnh, nữ giới cũng phải giữ Tam cương Ngũ thường. Nhưng nam nặng về Tam cương Ngũ thường, nữ nặng về Tam tòng Tứ đức.

Tam cương, Ngũ thường, Tam tòng Tứ đức do Chu Công Đán là một khai quốc công thần của đời nhà Chu Trung Quốc đề xướng, Ông có nhiều cống hiến trong việc xác lập lễ nghi và đẳng cấp trong xã hội, làm cho quan hệ

đẳng cấp vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em có tôn ti trật tự, bảo đảm ổn định xã hội.

Về sau Đức Khổng Tử đã tiếp thu Tam tạng Ngũ thường, Tam tòng Tứ đức, và khai triển thành tiêu chí tu thân, xử thế của Nho gia. Nên Đức Khổng Tử luôn xem Chu Công Đán là bậc thầy.

Ngày nay Tam kỳ Phổ độ lấy Nho tông chuyển thế nên Cao Đài giáo cũng dùng Tam tạng Ngũ thường và Tam tòng Tứ đức làm tiêu chí tu luyện để làm tròn Nhơn đạo, hầu tiến lên Thiên Đạo giải thoát.

Như vậy liệu Tam tạng Ngũ thường, Tam tòng, Tứ đức có lạc hậu trong thời đại ngày nay không? Ngày xưa Đức Khổng Tử cũng đã nói rằng:

«Luân lý pháp luật phải tùy thời mà sửa đổi cho thích nghi với trình độ tiến hóa của nhơn sanh – Trung Dung».

Vậy chúng ta nên chiêm chước sửa đổi cho phù hợp với trình độ tiến hóa của hiện đại, giữ những cái “hay”, bỏ những cái “dở”, để tạo nên một xã hội có “*Thuần phong mỹ tục*”.

Tóm lại, để hình thành một gia đình lý tưởng với những phẩm chất đạo đức tốt đẹp, nhất thiết phải tuân thủ theo “*Tam tạng Ngũ thường và Tam tòng Tứ đức*”. Nên dù cho bất kỳ trường phái nào, dù duy tâm hay duy vật, dù có tín ngưỡng hay bài bác thần linh, biên khảo này cũng có thể giúp ích cho con em họ.

PHẦN I

TAM CANG NGŨ THƯỜNG



A. TAM CANG

TRONG NHƠN ĐẠO, NGƯỜI XƯA ẤN ĐỊNH, NAM thì tuân theo tam cang, Ngũ thường, nữ thì giữ gìn Tam tòng Tứ đức. Trong Phần I này bàn trước về Tam cang Ngũ thường.

Tam cang gồm có:

- Quân thần cang.
- Phụ tử cang
- Phu thê cang

1. Quân Thần Cang

(Giềng mối Vua Tôi)

Ngày xưa, trong thể chế quân chủ thì vua là người đứng đầu trong nước, ngày nay những nước theo thể chế dân chủ thì gọi người đứng đầu lãnh đạo đất nước là Quốc trưởng, Tổng thống, Chủ tịch nước. Họ là người thọ mệnh Trời chần dân giữ nước, có đức độ, khôn ngoan tài cán hơn thường dân. Nên người dân sống trong thể chế nào, cũng cần phải trung thành với người lãnh đạo, tức là trung với đất nước.

Bốn phận làm dân: Dân là một phần tử trong nước,

người công dân phải giữ tròn bốn phận của mình. Yêu nước nhà, mền giống nòi, thuế sưu đóng đủ, dùng toan kế tà, chẳng nên vấy đoàn, hiệp lũ gây việc trộm cướp, phá xóm, phá làng.

Ở trong quốc gia phải tuân hành luật nước, cũng như ở trong đạo phải giữ qui điều giới luật của Đạo và phải kiêng sợ luật Trời báo ứng và tôn trọng người hướng đạo và giáo hội. Rồi cứ một lòng bảo hộ gia đình, tương thân, tương ái với người xã hội, góp công vào việc tạo thuận phong, mỹ tục, an cư lạc nghiệp của giống nòi, hướng đến cuộc sống tốt đời đẹp đạo.

Nếu mỗi người công dân không phạm luật nước, không trái Mạng Trời, thì gia đình được an hòa thảo thuận, góp phần xây dựng một xã hội thái bình, tiến đến thế giới đại đồng.

2. Phụ Tử Cang

(Giềng mối Cha con)

Bốn Phận Làm Cha

Người xưa quy định:

“Vi nhơn phụ chi ư từ” (làm cha phải lành / Tam tự kinh)

Chữ từ (lành) chỉ về nghĩa vụ làm cha mẹ, phải nuôi con cho nên vai, nên vóc, dạy con cho nên người hữu dụng.

Người làm cha mẹ tuy lành, nhưng cũng phải khuyên răn con vào đường đạo đức, cũng có rầy la một cách nghiêm khắc, nghĩa là phải làm thế nào cho con bỏ cái dở, theo cái hay, chớ chẳng phải lành là chiều theo ý con, muốn

làm gì thì làm. Tại sao khi con còn bé người cha không để cho con được tự do hành động? Bởi vì con còn thơ ấu, trẻ lòng, non dạ; đến một lúc nào đó con trẻ lớn khôn thì sự tự do hành động trong chuẩn mực đạo đức của con được người cha nói rộng trong sự quan sát, nhắc nhở đúng lúc.

Nói tóm lại là con chưa đủ sáng suốt, để phân biệt phải quấy và chưa đủ tinh thần cứng rắn, để vượt qua những vật dục cám dỗ. Ấy vậy nên người làm cha mẹ phải dìu dắt con trên đường đạo đức quang minh.

Giáo dục gia đình là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ, là căn bản cho đạo xử thế.

Đối với con cái, cha mẹ có thể phó thác cho con cái nuôi dưỡng mình lúc về già, nhờ con cái giúp đỡ những việc nặng nề “*Dưỡng nhi đãi lão*» (Nuôi con để nhờ lúc về già).

Thường tình thì người có lòng nhân không những chỉ nuôi cha mẹ, mà còn tự nguyện nuôi dưỡng cả những người già yếu cô đơn, nên đạo làm con đâu có thể khước từ nghĩa vụ này.

Cha mẹ muốn được vậy, trước hết phải làm xong nghĩa vụ của mình, tức là nuôi con, dạy con cho nên người. Trái lại, nếu cha mẹ không làm tròn bổn phận của mình mà bắt con phục vụ cho mình như thế là bất công và không làm tròn bổn phận làm cha mẹ.

Đạo Làm Con

Người xưa quy định:

“Vi nhưn tử chi ư hiếu” (Làm con phải thảo/ Tam tự kinh).

Hiếu thảo là Đạo làm con, chẳng những không ai

được từ khước, mà ai cũng phải coi đó là bổn phận của mình nữa. Cổ nhơn có câu đối:

*“Tuế hữu tứ thời Xuân tại thủ,
Nhơn sanh bách hạnh, hiếu vi tiên»*

(Năm có bốn mùa, Xuân đầu tiên, người sống có trăm nết, hiếu làm đầu).

Tại sao người ta phải hiếu với cha mẹ? Công sanh thành dưỡng dục, kể sao cho hết, nào là chín tháng cưu mang, ba năm bú mớm ẵm bồng, ơn nghiã của mẹ sâu thẳm như suối nguồn, rộng lớn như biển cả. Còn cha lại phải dày công dạy dỗ, cực nhọc, tảo tần, dầu trăm cay ngàn đắng, dầu vào cảnh nguy nan, người cha cũng không từ, miễn là làm ra cơm tiền để nuôi con. Nhân gian có câu:

*Công cha như núi Thái sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Công cha nghĩa mẹ như thế, thì thương mến chưa đủ, mà nghĩa vụ làm con bắt buộc phải giữ tròn đạo hiếu.

Thực hành đạo hiếu, trước nhất là nuôi cha mẹ. Sự nuôi dưỡng ấy phải hết lòng thành kính, giàu nuôi theo giàu, nghèo nuôi theo nghèo, ngoài miếng ăn, miếng uống, tấm áo, manh quần, còn phải hết lòng vui vẻ trong phận sự, làm cho cha mẹ vui lòng. Một hôm Thầy Tử Du hỏi chữ hiếu, Đức Khổng Phu Tử đáp:

“Ngày nay, người ta bảo chữ hiếu là biết nuôi cha mẹ, nhưng xét kỹ lại thì giống chó ngựa kia cũng có người nuôi. Nếu nuôi cha mẹ mà không kính, thì lấy gì để phân biệt với sự nuôi súc vật” (Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng. Chí ư khuyến mã, giai năng hữu dưỡng, bất kính hà dĩ biệt hồ! / Luận ngữ – Vi chính)

Đạo Nho có câu:

“Thượng sự phụ mẫu, thân hôn chi tình, cam chi chi cung hậu bạc tùy duyên, hiếu kính vi chủ” (Trên thờ cha mẹ, sớm thăm tối viếng, thường cung phụng thức ăn uống ngon ngọt, nhiều ít, tùy theo khả năng của mình, nhưng phải lấy hiếu kính làm chủ/ Tây Viên gia huấn).

Nên phụng dưỡng cha mẹ không phải đợi giàu có mới làm được, mà nhà nghèo làm được mới quý, nên cổ nhân có câu:

«Nhà nghèo mới biết con hiếu thảo, nước loạn mới rõ bề tôi trung thành» (Gia bản tri hiếu tử, quốc loạn thức trung thân / Minh tâm bửu giám).

Từ xưa những gương trung hiếu, tiết liệt, phần nhiều xuất hiện trong lúc nhà nghèo khó, hoặc khi quốc gia loạn lạc.

Nên khi ở chung với cha mẹ, không nên làm buồn lòng cha mẹ, nếu mình có việc buồn riêng, cũng chẳng nên tỏ ra sắc mặt để cho cha mẹ thấy. Khi cha mẹ quở trách thì phải tự xét mình mà chừa lỗi, chớ chẳng khá buồn phiền.

Cha mẹ già phải lưu ý đến chỗ họ không nói được. Tại sao? Bởi vì có nhiều khi cha mẹ sợ con lo buồn, mà chẳng tỏ ra hết lời. Sau đây là một gương thờ Mẹ của người xưa.

Một hôm, Bá Du bị mẹ đánh đòn, ngồi khóc mãi mà không thôi. Mẹ hỏi:

– Mọi khi mẹ đánh con thì con biết lỗi mà cam chịu, cơ sao lần này con khóc dai như thế?

Thưa mẹ:

“Mọi khi, mẹ đánh, con thấy đau; ấy là con biết mẹ

còn sức khoẻ. Lần này mẹ đánh, con không thấy đau lắm. Thế là con biết mẹ đã yếu mà con khóc (Cổ Học Tinh Hoa).

Như vậy là Bá Du biết lo cho sức khoẻ của mẹ.

Khi cha mẹ còn sanh tiền con chẳng nên đi xa, nếu cần đi vắng thì phải cho biết chỗ, để người nhà tìm cho dễ, khi hữu sự. Nên Nho gia có câu:

“Phụ mẫu tại bất khả viễn du, du tất hữu phương” (cha mẹ còn, con không nên đi xa, nếu đi nên cho cha mẹ biết chỗ – Luận ngữ/ Lý nhân)

Cha mẹ đau ốm, kẻ làm con phải tận tâm chạy thuốc, chạy thầy, chính mình nên lo liệu mọi phương; nếu giao cho kẻ khác biết đâu người ấy vì sơ sót, làm thêm bệnh cho cha mẹ mình. Bình nhật cũng phải xem chừng: Nếu cha mẹ khoẻ thì vui mừng, mệt thì lo lắng (xem gương Bá Du thờ mẹ đã nói trên).

Lòng hiếu thảo làm người ai cũng sẵn có trong lòng, nhưng lại có một đôi kẻ xao lãng là vì ham danh lợi hoặc chỉ lưu tâm lo cho vợ con. Vậy kẻ làm con nên thận trọng bốn phận của mình.

Đạo hiếu không bắt buộc chúng ta phải nhắm mắt tuân lời, mà trái lại, phải kiểm điểm việc cha mẹ đã làm: Nếu hay thì hết lòng theo, còn lầm lạc thì nên khuyên can với một cử chỉ kính mến.

Đức Khổng Tử dạy rằng:

«Sự phụ mẫu cơ gián, Kiến chi bất tòng, Hậu kính bất di, Lao nhi bất oán» (Luận ngữ – Lý nhân).

Nghĩa là cách thờ cha mẹ: Nếu thấy cha mẹ lầm lạc thì nên khuyên can với lời lẽ ôn nhu, lễ phép. Nếu thấy

cha mẹ không theo lời khuyên can thì con vẫn giữ lòng kính mến và không trái nghịch. Như cha mẹ có khiến trách hoặc đòn roi cũng chẳng khá phiền hà.

Cha mẹ mất thì phải tận tâm báo hiếu. Cổ nhơn bảo: «*Tang tắc tri kỳ ai*», việc tang chế phải hết lòng thương xót.

Tân Luật đạo Cao Đài định rằng: Việc tang chế không nên xa xỉ; không nên quàng linh cữu lâu ngày, không nên dùng Âm công lòe loẹt, không nên đãi đằng rần rộ mà mất vẻ nghiêm tịnh, ai bi.

Đức Khổng Tử cho sự thờ cha mẹ rất hiếu là:

«*Kính kỳ sở tôn, Ai kỳ sở thân, Sự tử như sự sanh, Sự vong như sự tồn, Hiếu chi thì dã*» (*Luận ngữ/ Lý nhân*).

Nghĩa là: Kính người mà cha mẹ đã trọng, yêu người mà cha mẹ đã mến, thờ cha mẹ khi chết cũng như lúc sống, mất cũng như còn. Ấy là hiếu ban đầu vậy.

Đại ý nói rằng khi Cha mẹ còn tại tiền thì con tôn kính cử chỉ hành vi, mãi đến khi cha mẹ thác rồi, con cũng cứ tôn kính như cha mẹ còn sống.

Ngoài ra còn phải lo tu dưỡng đạo đức để trở thành người tốt, làm rạng danh cha mẹ là điều hiếu sau cùng:

“*Lập thân hành đạo, dương danh phụ mẫu, hiếu chi chung dã*” (*Luận ngữ/ Lý nhân*).

Nên đạo làm con phải chuyên tâm trì chí suốt đời, để thực thi đạo Hiếu cho thi chung như nhứt.

✘ *Bốn phận làm anh chị và bốn phận làm em*

Nho gia khuyên rằng:

«*Huynh tắc dĩ, đệ tắc cung*» (*anh thì nhường nhịn,*

em thì cung kính / Tam tự kính).

Anh em, chị em đồng thọ sanh nơi một cha mẹ; bà Đoàn Thị Điểm khuyên rằng:

*«Một cục máu chia phần mấy mảnh,
Hình hài em tượng mảnh thân con.
Chữ rằng huyết mạch đồng môn,
Riêng chưng thân thể tâm hồn cũng con»*

■ (Nữ Trung Tòng Phận)

Đồng cốt nhục, đồng máu mủ, từ lúc nhỏ dại, ở chung một nhà, ăn chung một mâm, nằm chung một chiếu, vui có nhau, buồn có nhau, nhứt nhứt đều chung cùng. Vậy tình thương yêu ở giữa anh em, chị em không tình nào khấn khít ruột thịt bằng tình ấy.

Muốn bảo tồn cái tình máu mủ ấy mãi mãi, thì người anh người chị phải biết bốn phận mình là thương yêu, đùm bọc, che chở, nhường nhịn đàn em, kẻ làm em phải biết bốn phận mình là cung kính, thuận tòng.

Khi cha mẹ vắng mặt anh chị phải thay cha mẹ: dạy dỗ, khuyên răn, gìn giữ em trong mọi cử chỉ, hành động. Mà muốn dùng quyền người làm anh làm chị, phải làm xong nghĩa vụ của mình, là nuôi dưỡng dạy dỗ em út. Cổ nhơn thường khuyên nhau rằng:

“Trước làm xong bốn phận rồi sau sẽ dùng quyền bạng”.

Theo lẽ thường, khi thành nhơn, mỗi người đều có gia tư. Mặc dầu xa cách nhau, nhưng anh em, chị em lúc nào cũng phải gìn giữ cái tình cốt nhục của mình, nghĩa là luôn luôn hoài bảo tình thương mến, giúp đỡ, việc lớn cũng như việc nhỏ, mà muốn giữ vẹn sự thân mật, thì phải biết nhường nhịn tha thứ, không nên cố chấp lẫn nhau.

Bốn phận của mình phải sáng suốt phân định lẽ phải quấy ở giữa em chồng, chị dâu, em rể, anh vợ. Có lắm khi chỉ một việc nhỏ mọn, mà có thể làm sứt mẻ tình ruột thịt, anh chị em tượng trưng cái hình hài của cha mẹ, bất hòa là phá hại cái hình hài ấy. Anh chị em như thể tay chơn, bất hòa là đoạn ly thủ túc.

Người nào xử tròn hiếu để nghiêm túc trong gia đình, thì người ấy có tinh thần hòa ái, có lòng nhân. Hiếu thuận là gốc đạo xử thế; người trọn thảo thuận trong gia đình thì tất có lòng thương yêu giống nòi, trung thành với tổ quốc. Còn nếu người nào mà không tròn hiếu để, mà nói là trung thành, thương yêu đồng loại là giả dối, mà nếu có chẳng nữa, cũng chỉ do động cơ danh lợi thúc đẩy mà thôi.

✦ *Bốn phận cháu chắt đối với Ông Bà*

Ông Bà là đấng sanh thành dưỡng dục mẹ cha, lại là đấng mà cha mẹ kính trọng, thương mến. Đạo hiếu bắt buộc kẻ làm con phải kính trọng ngay những người mà cha mẹ đã thâm giao. Thử nghĩ: Người bàng quan còn phải xử trí như thế, huống chi ông bà là ruột thịt của cha mẹ mà chúng ta không tôn kính?

Ấy vậy, khi ông bà sanh tiền, chúng ta phải thay mặt cha mẹ mà trông nom, giúp đỡ những việc mà chúng ta có thể làm được và khi ông bà quá vãng thì phải thay thế cha mẹ mà phụng thờ cúng tế.

Luân lý cổ truyền của người Việt Nam dạy rằng: Ngày tế lễ, cả gia tộc hợp về nhà thờ, lo việc tế lễ hai ngày: Tiên thường và Chánh giỗ. Những người họ hàng sum hiệp, vui vầy. Có khi nhắc lại sự tích Tổ tiên, có lúc thăm hỏi việc hàn huyên gia sự. Giờ cúng tế, người người có

lòng thành kính. Khi ra vào, lúc lại qua trước bàn thờ, họ cúi đầu tỏ vẻ kính trọng dường như ông bà đang ngự trên cho sở tôn. Giờ tế lễ, con cháu giữ cảnh yên lặng, tôn nghiêm, người trưởng tộc hành lễ rồi con cháu cứ theo thứ tự bái nghiêm túc.

Trong cửa đạo Cao Đài vẫn giữ nguyên vẹn lễ thờ cúng Tổ tiên theo Tiên Nho. Và lại, người tín đồ đã khai mở đạo tâm, nay đem đạo tâm ấy mà sùng bái Tổ tiên thì có lẽ phong tục cổ truyền sẽ được tăng phần thuần mỹ thêm hơn.

✘ *Bốn phận đối với Cậu, Cô, Chú, Bác*

Cậu, cô, chú, bác là anh em ruột thịt của cha mẹ, kẻ làm con chẳng những phải thân yêu mà còn phải kính trọng như cha mẹ nữa. Nếu vô phước mà mồ côi, chính cậu, cô, chú, bác, là người thay mặt mẹ cha mà dưỡng dục con cháu. Vậy kẻ con cháu không vì lẽ gì mà không thân yêu quý mến.

Khi thành gia thất, tất nhiên bên chồng cũng như bên vợ, ai ai cũng có cậu cô chú bác. Kẻ làm con cháu cũng phải quý mến các đấng ấy.

3. Phu Thê Cang

(Giềng mối vợ chồng)

Con người có một linh hồn bất tử thọ mệnh từ Thượng Đế, nên tại cõi trần về thân xác, con người tuy có phân ra ngôi thứ, cha con chồng vợ, nhưng về phương diện linh hồn, tất cả đều là anh em với nhau. Sự gặp gỡ của con người tại cõi trần, đều do cơ duyên tiền định.

Nên sự kết hợp vợ chồng không phải là điều ngẫu

nhiên mà đối với thiên cơ đây là:

*“Cơ sanh hóa càn khôn đào tạo,
Do âm dương hiệp đạo biến thiên.
Con người nắm vững chủ quyền,
Thay Trời tạo thế, giữ giềng như luân*
■ *(Kinh hôn phối)”*

Sự gặp gỡ giữa hai vợ chồng đều do Thiên ý:

*“Ở trước mặt Hồng Quân định phận,
Đạo vợ chồng đã xứng nợ duyên”*

Con người qua nhiều lần đầu thai chuyển kiếp, đã tạo ra nhân duyên và nghiệp quả với nhau. Chính do những nhân duyên đó, mà Thượng Đế đã chọn hai linh hồn kết hợp với nhau thành vợ chồng, tùy cơ duyên tốt hay xấu, mà gia đình thường gặp hạnh phúc hay khổ đau, nhưng dù cho hạnh phúc hay khổ đau, tức là “*duyên hay nợ*”, nếu người nào biết nắm cơ hội trong cuộc sống vợ chồng để học hỏi, người đó sẽ lần đến chỗ hoàn thiện.

Vì không có sự giao thiệp nào hiển một cơ hội đặc biệt như tình vợ chồng, để có dịp tìm hiểu người khác cũng như tự hiểu lấy mình.

Khi con người đã nhìn nhận được mục đích cao siêu giữa sự hợp tác vợ chồng, thì cuộc sống gia đình sẽ giúp cho mỗi người hoàn thành một thiên chức mới, và những sự kiện xảy ra trong gia đình vui hay khổ, cũng cho ta những kinh nghiệm để khám phá ra những cái mới mẻ trong cuộc sống. Nếu ta hiểu biết thì mặt nào cũng đều có lợi. Nên Socrate đã nói rằng:

“Nếu anh gặp vợ hiền thì anh hạnh phúc, còn gặp vợ dữ thì anh sẽ thành một triết nhân”.

Theo đạo lý thì hai linh hồn kết hợp với nhau đều có một sứ mạng: Sứ mạng kẻ làm chồng và sứ mạng người làm vợ. Hai sứ mạng này ngang nhau, không bên nào khinh bên nào trọng cả.

Sự kết hợp vợ chồng là để giúp đỡ cho mình là “*duyên*”, hoặc để nhờ mình giúp đỡ đền đáp là “*nợ*”. Cho nên người đời có câu:

“Sự gặp gỡ giữa hai vợ chồng là do duyên nợ”.

Cổ nhân cũng có câu:

“Vô oan trái bất thành phu phụ” (Không có nợ nần vay trả thì không thành vợ chồng).

Nhưng dù cho duyên hay nợ, hạnh phúc hay khổ đau xảy ra trong gia đình, mà hai vợ chồng hiểu biết được đạo lý, đối đãi với nhau trong sự “*kính trọng và thương yêu*”, thì họa cũng chuyển thành phúc, bất hạnh cũng biến ra hữu hạnh. Vì theo đạo lý thì sự hợp tác vợ chồng là để phụng sự thiên cơ đó là cơ tấn hóa.

Như vậy đời người, nam nữ lớn lên thường lập gia đình có đôi bạn. ăn ở với nhau từ tóc xanh đến đầu bạc, tạo ra giếng mối “*vợ chồng*” tức là Phu thê cang. Cái định luật ấy, xưa nay vẫn không thay đổi, trừ một số ít cá biệt sống độc thân mà thôi. Gia đình ban đầu là sự kết hợp giữa đôi vợ chồng, rồi dần dần có thêm con cháu kế tiếp nhau để duy trì nòi giống. Nên gia đình là nơi hội tụ của nhiều linh hồn, nhiều thế hệ. Sự gặp gỡ này không phải ngẫu nhiên, mà do nhân duyên mỗi người, đến rồi đi, trong thời gian dài hay ngắn, để giúp đỡ lẫn nhau.

Do đó gia đình là một trường tấn hóa, mỗi thành viên đều có bổn phận giúp đỡ che chở lẫn nhau để đạt

đến hoàn thiện. Nên có thể nói mái ấm gia đình là nơi nương náu của trẻ thơ, là trạm dừng chân nghỉ ngơi cho trai tráng, là thành lũy nương náu cuối cùng của tuổi già, nên gia đình là một tiểu xã hội.

Trong gia đình người chồng là rường cột, phải đảm đương mọi việc bên ngoài, vợ là phụ tá, đóng vai trò nội trợ để tạo hạnh phúc cho nhau. Cho nên người chồng ngoài vẫn đề lo sinh kế còn có trách nhiệm khuyên bảo vợ con. Người xưa có câu:

“Giáo phụ sơ lai, giáo tử anh hài” (Dạy vợ lúc mới về nhà chồng, dạy con lúc còn thơ ấu / Nhan thị gia huấn / Giáo tử)

Muốn dạy người, không phải chỉ nói suông mà trước phải sửa mình cho ngay chánh, để làm gương mẫu đạo đức cho vợ con noi theo. Tiên Nho có câu:

“Dục tế kỳ gia, tiên tu kỳ thân” (Đại học).

Người chồng nên biết rằng vợ là bạn trăm năm của mình. Đàn bà là người yếu đuối, nương dựa nơi mình, trao thân gởi phận cho mình, để cùng nhau lo việc gia thất. Hơn nữa, vợ chồng là người đầu ấp, tay gối, vui chung vui, buồn chung lo, nghèo chung chịu, giàu chung hưởng. Lòng có nghĩ được như thế thì mới có dạ yêu thương, dùm học.

Vợ chồng có bốn phận khuyên bảo lẫn nhau, nhưng trước phải làm xong nghĩa vụ của mình, rồi sau mới khuyên bảo người khác. Tuy nói rằng có bốn phận khuyên bảo nhau, nhưng lúc nào cũng lấy tinh thần hòa ái làm cốt. Nghĩa là có khuyên lơn lẫn nhau, thì cũng chi trong vòng lễ giáo kính mến; chớ chẳng khá gây gổ nặng lời, như kẻ võ phu. Người xưa khuyên:

“Phu thê tương kính như tân” (Vợ chồng kính trọng nhau như người khách quý – Gia ngữ).

Người chồng đừng nên có thói gia trưởng, ỷ thị mình ra ngoài, làm ra của cải vật chất, trong lúc vợ ở nhà chăm lo nội trợ, mà xử sự hẹp hòi với vợ con – tính toán chi ly với vợ con từng đồng xu từng cắt bạc. Bà Đoàn Thị Điểm khuyên con trai rằng:

“Con chớ ỷ mình là nam tử,
Chiếm chủ gia hẹp xử thê nhi.
Đừng xem ra phận tiền ty,
Quyền trong nội trợ cũng bì đồng nhau”

■ [Nữ Trung Tùng Phận]

Người chồng phải vẹn giữ thi chung, dù lúc cơm thô áo vải, hay lúc quyền quý cao sang, vẫn trước sau như một, đừng làm như thói đời thường tình:

“Giàu đổi bạn, sang đổi vợ”.

Bà Đoàn Thị Điểm khuyên rằng:

“Nếu khổ cực chung cùng chia sót,
Dầu sang vinh đừng bớt tình nồng.
Hễ là vào đạo vợ chồng,
Nên hư đều có của ông công bà”

■ [Nữ Trung Tùng Phận]

Người vợ phải có tinh thần thuận tùng, nghĩa là phải biết dung hòa với chồng, để tạo hạnh phúc gia đình. Nhân gian có câu khuyên người làm vợ rằng:

“Chồng giận thì vợ bớt lời,
Cơm sôi bớt lửa, khỏi trời gạo ra”.

Người vợ phải biết nhường nhịn chồng và gia nường^[1], giữ gìn hòa khí trong gia đình, để gia đình yên vui. Bà Đoàn Thị Điểm dạy rằng:

*“Chia chồng vì dạ sắt son^[2],
Nhịn chồng bởi chút sắp con cái nhà”*

■ *[Nữ Trung Tòng Phận]*

Phận gái dù có giàu sang cũng không nên ý thị hiếp đáp gia đình chồng. Kinh Sám hối khuyên rằng:

*“Đừng có cậy giàu sang chẳng nề,
Không kiên chồng khi dễ công cô.
Ấy là những gái hung đồ,
Xúi chồng tranh cạnh hồ đồ sân si.*

*Tánh ngang ngạnh không vì cô bác,
Thói lẳng loàn bạn tác khinh khi.
Ngày sau đọa chốn âm ty,
Gông kèm khảo kẹp ích gì rên la.*

■ *(Kinh Sám hối, câu 57–64)*

Chén bát trong sóng (củ chén) còn động hướng chi vợ chồng ăn ở với nhau cả đời, làm sao tránh khỏi một đôi khi bất đồng ý kiến, động chạm lẫn nhau. Tỉ như có trường hợp ấy xảy ra, thì vợ chồng nên nhường nhịn lẫn nhau. Nếu khi có những bất hòa xảy ra, thì chồng nói vợ nên lắng nghe, vợ nói chồng cũng phải lắng nghe; phân trần điều hơn, lẽ thiệt cho rõ ràng. Tôn trọng lẫn nhau, để hòa thuận trong vòng lẽ nghi đạo đức; điều đó là tốt nhất; chẳng nên bắt chước phường hỗn ẩu chồng một lời đi, vợ nằm bậy tiếng lại. Thế rồi sinh việc bất hòa; mà

[1] Gia đình bên chồng.

[2] Chia sớt tình cảm cho hầu thiếp.

chồng vợ bất hòa thì gia đình tan nát.

Trong gia đình nếu có tình huống gì bất thường xảy ra, thì chuyện lớn xem như nhỏ, chuyện nhỏ xem như không có gì, cùng nhau lấy yêu thương mà giải quyết mâu thuẫn và tìm kiếm sự thỏa hiệp thì gia đình êm ấm. Đó là một gia đình hoàn toàn đạo đức, danh ngôn Tây phương có câu:

“Tình yêu luôn luôn hợp đạo đức, kể cả khi thiếu hôn nhân, nhưng hôn nhân mà thiếu tình yêu là vô đạo đức”
(Enllen Key)

Phận gái trọng nhút là trinh tiết, người chồng trọng nhút là chung thủy, tiết nghĩa; bởi vậy mỗi người – vợ cũng như chồng, phải giữ gìn mỗi ngày tránh sự hiểu lầm nhau, để vun bồi lòng tin tưởng lẫn nhau. Tục ngữ nói:

*«Đi ngang đám dưa không nên sửa dếp,
Đi ngang cây lý không nên sửa mủ».*

Tức là không tạo ra bối cảnh để có thể gây hiểu lầm, đại ý câu này khuyên người ta để ý từng hành vi, ăn nói, đi đứng đường hoàng, nhút là phải tránh những cử chỉ nào làm cho người khác ngờ vực, cũng như đi ngang đám dưa thì không nên sửa dếp, hoặc đi ngang giàn lý thì không nên sửa mủ, vì làm như thế, người ta sẽ ngờ rằng mình bẻ trộm dưa, hay hái trộm lý. Nhất là vợ chồng, nên tránh những cử chỉ hành động tạo ra sự nghi ngờ cho nhau, làm mất hạnh phúc.

Tề gia nội trợ là thiên chức của người phụ nữ; cho nên người vợ cần lưu tâm chăm nom việc nhà: Thiếu đủ phải biết, còn hết phải hay, sắp đặt an bài mọi sự; ăn cần, ở kiệm phải trọng tiền của chồng làm ra. Ăn nhịn qua ngày, ăn vay mắc nợ. Cửa chồng công vợ, chồng vợ chung

lo tạo hạnh phúc gia đình.

Người vợ nên biết rằng sự thuận tòng cũng là một cách chỉ huy khéo léo, nên một triết gia Tây phương nói rằng:

– *Đàn bà hoàn toàn thấy rõ rằng họ càng vắng lời bao nhiêu thì họ càng chỉ huy bấy nhiêu. (Jules Michelet)*

Người phụ nữ như vậy, sẽ xây dựng gia đình thành một tổ ấm cho nhiều thế hệ – là nơi nương náu cho trẻ thơ, là trạm dừng chân nghỉ ngơi cho trai tráng, là thành lũy cuối cùng của tuổi già.

Tóm lại: Đạo vợ chồng cần nhất là thuận hòa, Nhân gian có câu:

“Thuận vợ, thuận chồng tát Biển Đông cũng cạn”.

B. NGŨ THƯỜNG

(Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín)

1. NHÂN

Con người ai cũng bấm thọ điểm Linh quang của Đức Thượng Đế, để làm tự tánh của mình. Cổ nhân cho Tánh ấy là Mạng Trời, hay Thiên lý. Mạng Trời thì lặng lẽ, trầm mặc ẩn tàng trong cõi lòng thanh tịnh; nhưng khi phát động trúng tiết – Phù hợp với tình huống, thì đó là «*Nhân*». Bởi Thiên lý phát động là «*Nhân*» cho nên đức «*Nhân*» gồm đủ tất cả tính tốt, hạnh lành như: trung, hiếu, tiết nghĩa, cung, khoan, mẫn, huệ, cương, nghị, mộc (thật thà), nột (ít nói). Người nào giữ được đức «*Nhân*» và thể hiện đức «*Nhân*» khi xử thế, tiếp vật thì

đó là làm xong đạo làm người (Nhân giả, nhưn đã). Đức Khổng Phu Tử nói rằng:

«*Quân tử thể nhân tức dĩ trưởng nhân*» (*Kinh Dịch/ quẻ Càn- Văn ngôn*).

Nghĩa là người Quân tử lấy đức «*Nhân*» làm thể, thì đủ làm trưởng thành mình.

Người có «*Nhân*» lúc nào cũng an vui, ung dung, tự tại, bình tĩnh, trầm lặng, mà luôn luôn trong lòng sẵn có một cái khiếu «*Trực giác*» mẫn huệ. Việc đến, họ biết với một cách mau chóng toàn diện. Họ làm việc cũng thích hợp đạo lý, họ thật thà, chất phác, nhưng giàu tình cảm tốt lành. Đối với gia đình họ hiếu đễ, đối với xã hội, họ thuận hòa; đối với vật, họ thương yêu giúp đỡ, làm cho vạn vật phát triển hài hòa. Việc lợi danh ở đời, họ không lánh hẳn, nhưng chẳng bỏ đạo đức để cầu lợi danh. Đạo đức với lợi danh, nếu phải bỏ một, thì họ vui lòng bỏ lợi danh, cầu đạo đức. Lòng nhân người đời nay còn gọi là bác ái, nó đứng đầu các đức tính khác.

Đức Chí Tôn dạy rằng:

“*Nhơn là đầu hết các hành tàng*”

■ (*Thi văn dạy đạo*)

Một Chơn sư cũng dạy rằng:

“*Trong các đức tính thì hạnh bác ái là quan trọng hơn hết, nếu không có hạnh bác ái thì các đức tính khác không bao giờ đầy đủ*” (*Krishnamurti / Dưới chân Thầy*)

Trương Hoành Cừ là người Trung Hoa sanh vào khoảng (1020–1076) cho rằng: Lòng Nhân ái phải có thứ bậc, ông nói:

Tôn người già cả là sở dĩ tỏ lòng kính trọng kẻ tôn trường, yêu thương trẻ dại là sở dĩ tỏ lòng bênh vực kẻ yếu hèn, tôn người có đức độ hợp với lẽ Trời đất là bậc Thánh và kẻ có đức độ hơn người là bậc Hiền. Còn những người tàn tật, quan quã, cô độc, đều là anh em với ta cả. Như thế, tuy người ta có tôn ti khác nhau, nhưng ai ai cũng phải đem lòng thương xót để cư xử với nhau như anh em một nhà.

■ (Nho giáo Trọng Trọng Kim).

Đại ý câu nầy nói lên được điều «Nhân» là tình thương yêu có thứ bậc, nhưng phải trùm cả vạn vật, vì đức Nhân là phản ảnh đức Hóa sanh của Thượng Đế.

Thực hành đạo «Nhân» cũng cần có học hỏi, bởi vì có Trí sáng mới có thể phân biệt được thiện ác, phải quấy. Tử Hạ nói rằng:

«Bác học nhi đốc chi; Thiết vấn nhi cận tư. Nhân tại kỳ trung».

■ (Luận ngữ / Học nhi)

Nghĩa là: Sự học hỏi phải rộng rãi, chí hướng phải dày dặn, sự hỏi han cần thiết, sự suy nghĩ phải có dính dấp với mình. Trong những việc ấy hẳn có hàm súc đức «Nhân» vậy.

Thế đủ rõ rằng đạo «Nhân» cần có Trí để phân biệt phải quấy, có Dũng để mạnh dạn thực hiện sự thương yêu và giúp đỡ người cho phải chỗ và đúng mực, đúng lúc. Đó là mối đầu mà cổ nhân nương theo để thành lập cái thuyết «Tam đạt đức» (Nhân Trí Dũng). Cho nên khi thực hành điều nhân, cũng cần phải giữ quân bình giữa tình cảm và lý trí. Tây phương có câu danh ngôn:

“Có những mối cảm xúc cao thượng đẩy lòng nhân

ái, nhưng lại không hợp lý, không khôn ngoan tý nào. Nếu chúng ta hành động theo đó, thì là một sự điên rồ đáo đẽ” (Trước thêm Đạo – Sur Le Seul).

Đức Khổng Phu Tử nói:

“Trí giả nhạo thủy, Nhân giả nhạo sơn; Trí giả động, Nhân giả tịnh, Trí giả lạc, Nhân giả thọ (Luận ngữ / Ung giả)”

Nghĩa là người “Trí” thích nước, người “Nhân” thích núi; Trí giả thì động (như nước lưu thông), người “Nhân” thì an tĩnh (như núi đứng một chỗ). Bởi vậy người trí thì vui sướng, người nhân thì sống lâu. Nhờ an tĩnh mà người “Nhân” giữ được Thiên lý lưu hành trong tâm, để làm chủ thể cho đời sống của phàm thân.

Đức «Nhân» chẳng phải hàm súc đủ mọi hạnh lành, đức tốt, mà là cái phản ảnh đức háo sanh của Thượng Đế nữa. Về phương diện này «Nhân» khởi đầu tại lòng thương xót (Trắc ẩn chi tâm), nên người ta thường dùng chữ «Ái» kèm theo, thành danh từ kép “Nhân ái” để diễn tả sự thương yêu được đầy đủ.

Làm người khi học hành, trước nhất phải ưu tiên học và thực hiện điều nhân, sau đó mới học và thực hành đến các vấn đề khác. Nên Nho gia khuyên rằng:

«Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng, nhi thân Nhân. Hành hữu dư lực, tắc hữu học văn (Luận ngữ/ Học nhi)».

Nghĩa là: Người đệ tử trong gia đình thì hiếu với cha mẹ, ngoài xã hội thì kính người trên trước, làm việc thì cẩn mật, ăn nói chắc thật, rộng thương mọi người, thân cận với người nhân đức. Làm bao nhiêu đó, nếu còn dư

sức thì mới học đến văn chương, nghề nghiệp.

Chữ «*Nhân*» (仁) người xưa cắt nghĩa rằng: “*Nhân*” gồm có một chữ “*Nhơn*” (人) là người, Một chữ “*Nhị*” (二) là hai. Đại ý Nhân là tình cảm ở giữa hai người.

Tỉ như tình thương thiêng liêng ở giữa người mẹ và đứa con, người mẹ có thể liều mạng sống của mình để cứu con trong cơn nước lửa. Hoặc giả tình thương giữa hai vợ chồng, người chồng có thể hi sinh mình để giúp vợ, ngược lại người vợ cũng hi sinh như vậy để giúp chồng.

Nên lưu ý rằng tình thương ở giữa hai người phải nhắm vào sự «*vị tha*», nghĩa là vì người mà thương. Trái lại, nếu thương người để cầu lợi cho mình thì sự thương ấy không phải là “*Nhân*”. Đại sư Vivekananda nói rằng:

– *Tình yêu chân thật là tình yêu không biết mặc cả. Nơi nào có chuyện tìm kiếm một sự trả giá, thì không thể có tình yêu chân thật. (Vivekananda – Tôn giáo là gì).*

– *Tình yêu không cần biết phần thưởng là gì. Đừng hỏi điều gì báo đáp cho tình yêu của bạn, hãy để địa vị của bạn luôn là kẻ cho. Hãy dâng tình yêu bạn cho Thượng Đế, đừng đòi hỏi điều báo đáp, dẫu là từ Ngài (Vivekananda / Tôn giáo là gì).*

Tình thương không chỉ giới hạn trong sự tôn trọng người với người, mà phải lan tỏa đến tất cả chúng sanh:

«*Chim khôn biết kiếm đậu cây lành,
Người thiện phải giữa đức báo sanh.
Tôn trọng người như Trời với Phật,
Thương yêu tất cả chúng sanh thành”.*

■ (Thánh ngôn/Thi văn dạy đạo)

✧ *Phương pháp thực hành*

Có người hỏi phương thức thực hiện điều Nhân. Đức Khổng Phu Tử nói rằng:

«Kỷ dục lập nhi lập nhơn; kỷ dục đại đạt nhơn. Năng cận thủ thì khả vị Nhân chi phương giả dĩ»

■ *Luận ngữ/ Ung dã XXVIII).*

Nghĩa là người Nhân hề muốn mình lập thân thế nào thì cũng giúp người cùng lập thân như mình. Mình muốn thông đạt đến đâu thì cũng giúp người cùng thông đạt như mình. Hễ xử với mình thế nào thì cũng xử với người chung quanh như thế ấy; điều đó là làm “*Nhân*” vậy.

Các đệ tử hỏi Đức Khổng Tử về Nhân, Ngài tùy theo trình độ mỗi người mà trả lời như sau:

– Thầy Tử Trương hỏi “*Nhân*”, Đức Khổng Phu Tử nói:

«Hãy làm năm điều này trong thiên hạ là «Nhân» rằng:

Cung, Khoan, Tín, Mẫn, Huệ. Cung thì không khinh lờn, Khoan thì được lòng người, Tín thì được người tin cậy, Mẫn thì có công, Huệ có ơn thì đủ khiến được người”. (*Luận ngữ/Nhan Uyên*)

– Nhan Hối hỏi Nhân, Đức Khổng Phu Tử nói rằng:

“Khắc kỷ phục lễ vi Nhân» (*Sửa mình theo lễ là “Nhân” tức bỏ hết lòng tư dục để hành động theo Thiên lý / Luận ngữ – Nhan Uyên, XII*)

– Phàn Trì hỏi “*Nhân*” Đức Khổng Phu Tử nói rằng:

«Ái nhơn: Thương người” (*Luận ngữ – Nhan Uyên, XII*)

Sách Luận Ngữ chép rằng Đức Khổng Phu Tử trả lời cho mỗi người một khác; ấy là Ngài tùy yếu điểm của từng đệ tử mà bổ khuyết.

Đức «*Nhân*» sẵn có ở nơi người, nhưng tại sao lại có người không làm được?

Đó là do sự ganh ghét đố kỵ, làm trái đức «*Nhân*», nên khiến lòng nhân mất đi. Giả tử khi cha con ghét nhau thì mất lòng từ hiếu, chồng vợ ghét nhau thì mất thuận hòa, anh em ghét nhau thì mất kính nhường, người trong thiên hạ ghét nhau thì kẻ mạnh hiếp yếu, kẻ dữ lấn người hiền.

Bởi vì, lòng người không bao giờ có hai tình cảm một lượt. Hễ có ghét thì không thương; hoặc có thương thì không ghét. Ấy vậy nên chúng ta cứ mở rộng lòng thương, thì tự nhiên lòng ghét không xen vào được, cũng như có hòa bình thì không chiến tranh vậy.

Đức Khổng Phu Tử lấy đức “*Nhân*” làm căn bản cho đạo làm người, rồi tùy tình cảm mà ứng xử, cứ ung dung theo Thiên lý mà hành động, chớ không cố chấp điều gì. Thế nên đứng vào cảnh ngộ nào cũng an vui; không nghịch cảnh nào làm mất tư cách người quân tử.

2. NGHĨA

Về tâm học «*Nghĩa*» là phương pháp giúp cho kẻ học đạt thành đức. Về luân lý học, «*Nghĩa*» là lẽ phải giúp cho kẻ học hoàn thành bổn phận làm người, hoặc nói cách khác «*Nghĩa*» là cụ thể hóa lòng Nhân thành hành động.

Về thực tế Nghĩa là giúp đỡ người khác trong cơn hoạn nạn, khốn khó. Ở đây, hai chữ “*Nhân*” có nghĩa

là thương người, và “*Nghĩa*” có nghĩa là giúp người. Nên “*nhân nghĩa*” thường đi đôi với nhau, thành một danh từ kép, mới bộc lộ được cả tư tưởng và hành động đi đôi, nếu có “*Nhân*” mà không có “*Nghĩa*” thì đạo đức thiếu thực tế; còn như có “*Nghĩa*” mà không có “*Nhân*” thì đạo đức thiếu tinh thần. Tỉ như chúng ta có lòng thương người lâm nạn, nhưng không ra công, hoặc ra của, để cứu giúp, thì lòng nhân không được thể hiện bằng hành động. Ngược lại, nếu ra công, ra của để giúp đỡ, mà chẳng có tình thương, thì đó là một do một động cơ danh lợi nào khác, chớ không phải do bởi lòng Nhân.

3. LỄ

Lễ trước dùng để tế tự, sau lan rộng đến nề nếp xử sự, tiếp vật mà nhân quần xã hội thừa nhận. Chữ “*Lễ*” lại đồng thể với chữ *Lý*; cho nên nó phải tùy thời mà biến đổi, càng ngày càng tốt hơn, chớ chẳng nên cố chấp mà phải sa vào sự lạc hậu.

Về phương diện tế tự, Lễ có mục tiêu thứ nhất là làm cho đàn tế được trang nghiêm; mục tiêu thứ nhì là đào tạo, hướng con người tới một tâm lý Thành và Kính (kính trọng). Có Kính thì mới giữ được sự nghiêm túc của mình, có Thành mới cảm ứng được với Trời. Đó là Lễ giúp người tồn tâm dưỡng tính.

Theo sách Lễ Ký: Lòng người ta lúc nào cũng ham muốn sự ăn uống, tình dục, sợ nghèo khổ và cái chết. Nếu người ta không nghĩ đến Lễ thì Thiên lý sẽ bị tiêu diệt, nên “*Lễ*” giúp người ta giữ vẹn Thiên lý.

Nói giữ gìn “*Lễ*” thì khi đi, đứng, nằm, ngồi lúc nào

cũng không nên cầu thả, lờn dễ. Thường nhật xử sự thì cung (cẩn trọng), làm việc thì kính (lễ phép), giao thiệp thì lòng thành (thành thật). Ba điều cung, kính, thành ấy, dầu ở chung với kẻ thất phu hạ tiện cũng chẳng khá lãng quên. Đức Khổng Tử dạy:

“Xuất môn như kiến đại tân, Sử nhân như thừa đại tế”

■ *(Luận ngữ, Nhan uyên XII/II).*

Nghĩa là ra khỏi cửa thì tác phong, ăn mặc nghiêm túc, như tiếp vị khách quý; sai khiến kẻ dưới thì trang nghiêm cẩn trọng như chủ trì một cuộc tế lễ lớn, Nhứt cử, nhứt động, đều phải có «*Lễ*», đó là người lịch sự. Hành vi, lời nói và tư tưởng, mỗi mỗi đều có trước sau, là người có tiết khí.

Trên trường giao tế, “*Lễ*” phải có “*Nghi*” làm hình thức. Nên hai từ “*Lễ nghi*” thường đi đôi thành danh từ kép. Tỉ như chúng ta gặp người trưởng thượng, thì chúng ta đem lòng cung kính, đó thuộc về *Lễ*, rồi chúng ta nghiêng mũ cúi chào, tỏ lòng kính ra ngoài, đó thuộc về *nghi* thức. Thế nên nói: “*Nghi tùy Lễ mà chế*”. Hai chữ “*Lễ Nghi*” thiếu một thì không thành qui tắc. Tỉ như chúng ta có sự kính trọng trong lòng, mà không nghiêng mũ cúi chào, thì lòng cung kính không chỗ tỏ rõ ra bên ngoài, ai làm sao biết được lòng mình cung kính. Trái lại, trong lòng không kính mà bên ngoài làm ra vẻ cúi chào. *Nghi* mà không *lễ* thì đó chỉ là hành động giả dối khô khan mà thôi.

Lễ nghi dùng để thể hiện nhân cách và phân định ngôi thứ, tôn ti, thượng hạ. Tỉ như trong một cuộc hội đàm, người lớn cứ ăn nói lỗ măng, hành động sỗ sàng, kẻ nhỏ thì hỗn ẩu không kính nể người lớn. Thế thì làm sao mà

hiệp hòa nhau được, cho nên nói rằng: “*Thất Lễ*” thì loạn.

✧ *Lễ về giới hạn giữa nam nữ*

Ranh giới giữ nam nữ thời xưa, yêu cầu tương đối khắc khe. Nam nữ gần đến tuổi trưởng thành thì giao tiếp phải cách biệt, dù anh chị em, cha và con gái, mẹ và con trai, ông gia và dâu, bà gia và rể, kể cả những người giúp việc nam nữ... Ở chung một nhà, phải cách biệt, ở riêng phòng, không được nằm chung một giường, không ngồi chung một ghế, ăn uống không chung một tô chén, tiếp xúc phải có một khoản cách nhất định, không được động chạm, cọ quẹt vào quần áo da thịt của nhau.

Trong cửa đạo ngày nay còn khắc khe hơn, nam nữ phải cách biệt, thường nam ở đông lang (nhà phía đông chùa) nữ ở tây lang (nhà phía tây chùa), khi cần tiếp xúc phải công khai, luôn có mặt người thứ ba, không được tiếp xúc riêng tư, thậm kín giữa hai người trong khuôn viên tu hành.

Các giới hạn trên nhằm ngăn ngừa những cảm xúc xấu, dẫn đến hành động sai trái, tội lỗi. Vì trên phương diện vật lý, dòng nhân điện nam thuộc dương, dòng nhân điện nữ thuộc âm, âm dương gần nhau thì thu hút như nam châm với sắt, nếu không có một khoản cách nhất định. Nên người xưa đã nhận định “*nam nữ thụ thụ tất thân*” (thân thể nam nữ gần nhau ắt sinh thân thiết), nên mới ngăn cấm “*nam nữ thụ thụ bất thân*” (nam nữ dù gần nhau nhưng không được thân thiết). Vì vậy trong sách giải kinh Lễ có viết:

“Tác dụng giáo hóa của lễ nó luôn thấp thoáng ẩn hiện không thấy được, trong khi tội ác chưa kịp hình thành,

chính lễ đã góp phần khống chế nó, khiến con người càng ngày càng đi vào con đường lương thiện, xa rời tội ác, mà bản thân cũng chưa nhận ra” (nguyên văn: Cổ lễ chi giáo hóa dã vi, kỳ chi tả dã vu vị hình, sử nhân mục đồ thiện viễn tội nhi bất tự tri dã).

Khi hình thành một loại lễ chế nào, đều có bối cảnh và nguyên nhân của nó cả. Kinh nghiệm nhân loại trong thời kỳ tiền sử, đã sinh hoạt tụ cư, khi bước sang xã hội văn minh, họ tự nhận thấy tình trạng không phân biệt nam nữ đã xảy ra nhiều tội ác và nhiều vấn đề khiến trật tự xã hội rối loạn. Vì vậy mới có những yêu cầu khắc khe của lễ, sau khi có lễ chế quan hệ giữa nam nữ trong gia đình, cũng như ngoài xã hội sẽ bình thường, như vậy sẽ tạo được một gia đình có trật tự, hài hòa, một xã hội ổn định.

Tác dụng của lễ chế trong các tình huống bình thường lại không nhận ra được. Nhưng dù không nhận ra tác dụng của nó, hoặc cho đó là sự hạn chế không cần thiết, mà hủy bỏ phá hoại nó đi, thì nam nữ không còn cách biệt. Do tình trạng tiếp xúc quá gần gũi thân mật, không có khoảng cách biệt nhất định, thì tình trạng dâm dục thác loạn sẽ tràn ngập, đến khi nó trở thành vấn đề vi phạm đạo đức nghiêm trọng, dù có muốn vãn hồi cũng không còn kịp nữa. Nên nhiều nhà tâm lý học cho rằng, thà chấp nhận sự phê bình chỉ trích Lễ chế cổ đại là nghiêm khắc, bảo thủ, lạc hậu, không thông thoáng. Nhưng chúng ta nên một mực khẳng định là vẫn cứ duy trì sự ràng buộc của lễ đối với nam nữ. Có thể nói đây là một quyết định sáng suốt, thấy được cái lớn mà giữ lại cái nhỏ. Những chỗ này cũng chính là bài học cũng đáng để cho chúng ta ngày nay phải lưu tâm suy nghĩ.

Giới huyền môn có bí pháp cầu nguyện, để ngăn chặn tà tâm: Khi đứng trước mặt một người khác phái, hãy nhìn ngay trái tim họ và cầu nguyện:

“Cầu xin Ông Trên ban cho anh tôi (chị tôi, hay em tôi), luôn đoan chánh, tinh tấn với tấm lòng từ thiện”

Làm như vậy tà tâm hai bên sẽ không nhen nhóm lên được.

Học “Lễ” không phải khó khăn, như có người lầm tưởng. Bởi vì “Lễ” thuận lòng người mà tỏ ra, chớ không phải cưỡng bách. Cổ nhơn thường khuyên nhau:

“Trước học lễ rồi sau mới học văn” (Tiên học lễ, hậu học văn / Minh tâm bửu giám),

Tức là trước tiên học đạo lý lễ nghi, rồi sau mới học đến các môn văn hóa khác. Luật pháp dùng để răn người phạm tội. Lễ nghi để ngăn những biểu hiện xấu, những tình huống thiếu tôn ti trật tự. Thường tình người ta sợ luật hơn sợ lễ, đó là tại luật có hình phạt kèm theo, nên ít ai phạm; còn lễ thì chỉ khuyên lớn, răn dạy, nên những người nào ít học hay bị vi phạm, thì chỉ bị người đời chê cười mà thôi.

Người nào gìn giữ từ hành vi, lời nói và tư tưởng mỗi mỗi điều thích trung dung, ấy là người có lễ độ. Tóm lại: «Lễ» mực thước để đo lường tư tưởng, lời nói và hành vi trong khi xử thế, tiếp vật. Đức Lão Tử nói rằng:

“Khi thất Đạo mới theo Đức, khi thất Đức thì mới theo Nhân, khi thất Nhân mới theo Nghĩa, khi thất Nghĩa thì nên theo Lễ” (Đạo Đức Kinh).

Vậy chúng ta có thể nói rằng kẻ học theo Lễ để trở

về với Nghĩa, theo Nghĩa để trở về với Nhân, theo Nhân để trở về với Đức và theo Đức trở về với Đạo. Nên lẽ là bước đầu là nền tảng của các đức tính khác.

4. TRÍ

Trí là năng lực hiểu biết. Người ta nhờ Trí để biết phân biệt phải quấy, lành dữ. Người Trí biết đạo đức và lần hồi hoán cải việc dở thành hay, điều ác thành điều thiện và mỗi ngày mỗi làm cho mình được tăng thêm phẩm hạnh, nhưng lý trí phải đi đôi với trực giác:

“Lý trí của người ta dẫu minh mẫn thế nào, cũng có giới hạn, không hiểu biết được nhanh và sâu xa như trực giác. Có lắm điều cứ để tự nhiên theo trực giác thì biết rõ ngay được, mà dùng lý trí để suy xét, thì nghĩ ngợi mãi mà không ra manh mối. Là vì những sự biết mẫn tiệp và sâu xa là thường do trực giác, chứ không phải do lý trí. Song khi đã biết điều gì rồi, tất phải dùng lý trí mà kiểm soát lại, để biết cho rõ những điều đã do trực giác mà biết.

Lý trí là năng lực suy luận để hiểu biết sự việc tính chất, hình thể bề ngoài bằng những định nghĩa, mà không thể biết được cái tinh thần linh hoạt trong các sự vật ấy ẩn tàng bên trong. Vậy nếu ta bỏ trực giác là cái biết của tâm, mà chỉ chuyên dùng lý trí để suy luận, thì thường hay làm cho ta sai lầm, cho nên người ta cho rằng trực giác vượt trước xa lý trí là vậy”

■ (Nho giáo Trần Trọng Kim).

Muốn thành người Trí, chúng ta phải học hành rộng rãi, quán thông. Nho gia dạy rằng:

“Học cho rộng, hỏi cho cẩn kỹ, suy nghĩ cho thật cẩn thận,

phân biện cho sáng tỏ, thực hành cho thiết thực. Không học thì thôi, mà đã học mà chưa lãnh hội quyết không bỏ; không hỏi thì thôi, đã hỏi mà chưa biết, quyết không bỏ; không suy nghĩ thì thôi, đã suy nghĩ mà không có kết quả quyết không bỏ; không phân biện thì thôi, mà đã phân biện mà không sáng tỏ, quyết không bỏ; đã không thực hành thì thôi, thực hành mà không thiết thực, quyết không bỏ. Người khác học một lần, ta học ngàn lần. Nếu biết thực hành theo phương pháp đó, tuy ngu muội cũng biến thành thông minh, dẫu yếu hèn cũng biến thành mạnh mẽ” (Bác học chi, thẩm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi. Hữu phát học, học chi phát năng, phát thổ dã; hữu phát vấn, vấn chi phát trim phát thổ dã; hữu phát tư, tư chi phát đắc, phát thổ dã; hữu phát biên, biện chi phát minh, phát thổ dã; hữu phát hành, hành chi phát đốc, phát thổ dã. Nhân nhất năng chi, kỹ bách chi; nhân thập năng chi, kỹ thiên chi. Quả năng thủ đạo hĩ, tuy ngu bất minh, tuy nhu bất cường” / Trung dung).

Theo Nho giáo, kẻ học phải thực hiện năm điều, đó là: Học, vấn, tư, biện, và hành.

- **HỌC:** Lấy sự tìm kiếm làm cho giỏi mọi việc gọi là Học.
- **VẤN:** Lấy sự học hỏi giải thích cho rõ ngộ vực gọi là Vấn.
- **TƯ:** Lấy sự suy ngẫm làm cho thông suốt mọi lý thuyết gọi là Tư.
- **BIỆN:** Lấy sự thảo luận suy xét, làm cho tinh tường lẽ phải trái, để rồi đưa ra bằng chứng cho rõ, từ đó chấp nhận hay bác bỏ, gọi là Biện. Nên người ta thường dùng chung với các từ ngữ khác thành các danh từ kép như biện chứng, biện luận, biện

minh, biện bạch, biện bác, biện hộ...

- **HÀNH:** Lấy sự tìm kiếm hiểu biết, thực hiện sự kiện gọi là Hành động.

Học và hành phải đi đôi thì sự hiểu biết mới được cụ thể. Tỉ như chúng ta biết thờ Trời là một việc rất hữu ích: Nhưng biết thờ Trời chưa đủ, thành thử chúng ta phải thực hiện lễ bái Đức Chí Tôn hằng ngày, để tập cho mình có lòng thành kính, đạo tâm phát triển. Lòng thành kính biểu hiện từ Chân tâm, nó sẽ giúp chúng ta trừ khử được vọng tâm và cảm thông với Thiên lý (giới tu hành gọi là Công phu). Thờ Trời, tế Trời là một phương pháp làm sáng cái đức sáng của chính mình. Nên trong cửa đạo có câu:

“Lễ bái thường hành tâm đạo khởi”

■ *(Bài thài Thất nương Diêu Trì cung).*

Thầy Tuân Tử nói:

“Bất văn bất nhược văn chi, văn chi bất nhược kiến chi, kiến chi bất nhược tri chi, tri chi bất nhược hành chi. Học chi ư hành chi nhi chỉ hỷ. Hành chi minh giả, minh chi vi thánh nhân. Thánh nhân giả giả bản nhân nghĩa, đương thị phi, tế ngôn hạnh, bất thất hào lý, Vô tha đạo yên, dĩ hồ hành chi hỷ”

■ *(Tuân tử – Nho hiệu VIII)*

Nghĩa là “*Chẳng nghe chẳng bằng nghe, nghe chẳng bằng trông thấy, trông thấy không bằng biết rõ, biết rõ không bằng làm được. Sáng suốt mọi việc thì làm Thánh nhân. Thánh nhân là người lấy nhân nghĩa làm gốc, định rõ phải trái, lời nói với việc làm như nhau, không sai lầm một hào một ly nào. Học đến làm được mới thôi. Không có*

đạo nào khác nữa”. Như vậy cái “*đức sáng*” của mình càng ngày càng sáng suốt thêm lên.

Sự học có nhiều lối: Học với sách vở, với kinh nghiệm của người khác, với kinh nghiệm của chính mình, và học với trí suy ngẫm. Ví dụ: Chúng ta chưa biết lửa có tính nóng. Nay vì có một duyên cớ gì, chúng ta chạm lửa làm phỏng tay; Thế là chúng ta học bài học biết lửa có tính nóng và tránh nó lần sau. Một học giả Tây phương có câu:

“Trên thế gian có ba hạng người, một loại học hỏi bằng sách vở, lại học hỏi qua kinh nghiệm của người khác, một loại học bằng chính những hành động đại đột của mình”

■ (Cari Barney).

✘ *Đòi là một trường học*

Rủi chúng ta bị phiền não vì một việc gì, thì chúng ta chẳng khá trách người, chẳng khá trách vật, chẳng khá trách Trời; mà trái lại, phải tự xét mình, tìm cho ra nguyên nhân nào làm cho chúng ta phải phiền não. Phải chăng: Tại không biết, tại trễ nãi, tại tức giận? Khi đã thấy nguyên nhân tạo ra phiền não rồi, chúng ta nên tìm phương giải quyết, để cho cách xử sự lần sau được khá hơn.

✘ *Trí tuệ con người là một trường tiến hóa*

Khoa học ngày nay, nhờ Trí mà phát minh biết bao nhiêu cơ khí kỹ xảo. Chúng ta nên dùng Trí của mình để hiểu biết đời sống của mình: Đại để như nhìn ra vũ trụ bao la, biết bao nhiêu thiên hà, thế giới vận động không ngừng, lại nhìn đến vạn vật yên lặng, trang nghiêm, rồi nghĩ đến thân phận người ta ở đời: Sống như vậy rồi chết ra sao? Và còn biết bao nhiêu những việc huyền bí trong vũ trụ mà chúng ta chưa biết được. Vậy chúng ta nên ghi

nhận những vấn đề ấy, để rồi suy ngẫm khám phá sự liên lạc của người với Trời, người với người và người với vật.

Một khi chúng ta khám phá những lẽ bí mật của Tạo vật rồi, ắt chúng ta sẽ giải quyết được đời sống của chúng ta với một cách xứng đáng. Theo lý, đương nhiên đời sống chẳng phải tìm kiếm những việc nhỏ mọn trong vòng vật dục, mà phải vượt ra ngoài, hưởng thưởng để rồi sống với Đạo, sống với Thượng Đế và sống với chúng sanh.

Mục đích của người Trí là biết Đạo, thế nên kẻ học phải chuyên tâm trì chí. Cách học phải mở cho rộng, hỏi cho kỹ, nghĩ cho cùng, phân biệt cho rõ và hết sức làm theo; để thành toàn cái biết của mình. Mỗi ngày phải xét mình và bền lòng tự xét tự tỉnh mãi cho đến một ngày kia, chúng ta sẽ có tâm trọn lành (phát Huệ tâm).

Trí đã phát khởi, thấu hiểu chơn lý thiện ác và biết giới hạn của dục tình rồi. Lúc bấy giờ, chúng ta ung dung thông cảm với Thiên lý mà sống với một thái độ thuận hòa, bình tĩnh theo Đạo tự nhiên.

5. TÍN

Tín là tin. Thủ tín là điều quý trọng của người, nhưt là kẻ tu hành. Lời nói của mình thốt ra phải trọng nó: Nói ra rồi phải nhìn nhận, nếu nói không chắc một lần, về sau mặc dầu chúng ta nói thật, người ta cũng không tin “*Nhơn vô tín bất lập*”: Người không đặt tín nhiệm thì chẳng làm nên việc gì được.

Đối với mình lại càng phải thủ tín hơn nữa. Chúng tôi xin nhắc câu sách Đại Học nói rằng:

«*Sở vị thành kỳ ý giả vô tự khi dã*».

Nghĩa là giữ ý mình cho thành thật, tức là mình không tự khinh khi mình, tức là tự trọng.

Đại để nói rằng cốt yếu là thành thật ngay từ trong tâm, nếu mà tự dối mình tức là mình không biết tự trọng lấy mình vậy.

Ví dụ: Chúng ta hứa với mình «*Học cho giỏi*» thế mà rồi ít lâu lại quên mất, không làm được như lời hứa. Đó là tại sao? Tại mình tự dối mình, mà kẻ tự dối mình tức là dối lương tâm; mà dối lương tâm là dối Trời. Thử hỏi: Trời có nên dối chăng?

Những kẻ bội ước, bất trung, nói rồi chối, hoặc điên đảo xảo ngôn, là kẻ xúc phạm đến Thần Minh, kẻ ấy thế nào cũng phải chịu sự trừng phạt.

Mất lòng tin nhiệm của người lại mất lòng tự tin của mình, kẻ ấy thành ra một nhân vật khả ố. Kẻ học đạo tự mình phải nói thật và thủ tín, vì khoản thất tín này rất khó dung chế.

Chữ “*Tín*” về tôn giáo còn gọi là Tín ngưỡng. Đứng về phương diện tín ngưỡng tôn giáo, ngày nay nhân loại vẫn còn trạng thái cực đoan, cứ cho những giáo lý, giáo luật và nghi lễ của mình tin là chánh giáo, mà xem các tôn giáo khác là tả đạo bàng môn, cần phải loại trừ. Thậm chí những phần tử cực đoan còn tạo nên nhiều cuộc ác chiến đẫm máu tàn sát lẫn nhau, mà họ cả tin rằng hành động đó là phụng sự Thượng Đế. Chúng ta nên hiểu rằng: Thượng Đế lập ra tôn giáo là vì con người, chứ không phải tạo ra con người để vì tôn giáo.

Mục đích tôn giáo Thượng Đế lập ra, là cốt để hướng dẫn con người biết sống với phẩm chất nhân văn, cộng yêu

hòa ái, tôn trọng mạng sống lẫn nhau, chứ không phải con người sinh ra với mục đích bảo vệ tôn giáo của mình, mà tàn sát hủy diệt các tôn giáo khác, để cho mình độc tôn.

TIỂU KẾT

Tam tạng Ngũ thường là tiêu chuẩn để hướng dẫn hành động con người để trở nên đạo hạnh, cũng như thước qui để làm hình tròn, thước củ để làm hình vuông. Muốn làm hình tròn, hình vuông mà không dùng thước qui thước củ, để làm rập thì không thể được, nên người ta hay gọi chung là “*quy củ*”, cũng như muốn làm người đức hạnh mà chẳng dùng Tam tạng Ngũ thường để hướng dẫn thì biết theo đâu mà làm.

Để cụ thể Tam tạng là ba giếng mỗi, cổ nhân đã đề ra “*Thập nghĩa*” là: Phụ từ (*lành*), tử hiếu (*thảo*), huynh lượng (*rộng rãi*), đệ để (*thuận hòa*), phu nghĩa (*ân nghĩa*), phụ thính (*lắng nghe*), trưởng huệ (*thi ân*), ấu thuận (*vâng lời*), quân nhân (*nhơn đức*), thần trung (*trung thành*), cốt rao giảng điều tin, để đạt được sự hòa thuận, chuộng sự từ nhượng, bỏ sự tranh cướp (Lễ ký – Lễ vận XI)

Ngũ thường tuy có năm đức con người hằng tuân thủ, nhưng Nhân đứng đầu của đạo làm người. Lễ là mực thước để làm đạo Nhân, thực hiện trọn đạo Nhân, tức là thể hiện Thiên lý thành Nhơn luân và cũng là làm tròn bốn phận con người.

PHẦN II
TAM TÙNG TỬ ĐỨC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ THEO
QUAN NIỆM HIỆN ĐẠI



ĐẠI CƯƠNG

TÀM NGƯỜI, MẶC ĐẦU NAM HAY NỮ, ĐỀU PHẢI lấy tu thân làm căn bản cho bậc Nhơn Đạo, nghĩa là trước cần trau dồi thân tâm cho đạt đến Chân Thiện Mỹ, đó là tu thân; rồi sau mới lo phần xử thế là sửa việc nhà, lo việc nước và đóng góp vào công việc hòa bình Thiên hạ, theo tiêu chí và thứ tự của cổ nhân gọi là:

Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình thiên hạ

■ (Đại học/ chương I).

Người xưa rất coi trọng đạo Tu thân, họ thường khuyên:

“Từ vua đến thứ dân, người nào cũng phải Tu thân trước rồi sau mới làm đến những nghĩa vụ khác” (Tự thiên tử dĩ chí ư thứ dân, nhứt thị giai dĩ tu thân vi bản – Đại học, Phần dẫn nhập).

Trái lại, nếu thân chẳng tu mà muốn tề gia, trị quốc, bình thiên hạ thì e làm không nên; bởi gốc đã không vun vén để yếu ớt không ra gì, mà muốn cho ngọn phát triển sum xuê xanh tốt là điều không bao giờ có được.

Tam cương, Ngũ thường, Tam tùng Tử đức là đạo

làm người, là tiêu chí tu dưỡng cho cả nam nữ; ngay nam giới cũng phải giữ Công Dung Ngôn Hạnh để sửa mình, nhưng nam nặng về Tam cương Ngũ thường; nữ nặng về Tam tùng Tứ đức.

Thời nay, khi đề cập đến Tam tùng và Tứ đức của phụ nữ, không ít người phản đối, nhất là nữ phái, họ cho rằng đã cổ hủ, lỗi thời. Vì đời nay đang ở vào thời đại văn minh, khoa học tiến bộ, tự do dân chủ, nam nữ bình quyền, mà đem chuyện Tam tùng, Tứ đức cách đây hàng bao nhiêu thế kỷ, để áp dụng cho phụ nữ là không thức thời. Nhưng trước khi phê phán, chúng ta cũng nên bình tâm tìm hiểu một cách rõ ràng cái tinh hoa của Tam tùng, Tứ đức là gì? Hay dở thế nào? Để “*Khử thô dụng tinh*” (bỏ cái dở dùng cái hay), tránh những điều ngộ nhận về đạo lý làm người của cổ nhân, tức là tránh cái “*chê một đĩa mà bỏ cả một mâm*”, thì thật là đáng tiếc. Như vậy, liệu Tam tùng, Tứ đức có lạc hậu trong thời đại ngày nay không? Ngày xưa Đức Khổng Phu Tử cũng nói rằng:

“Luân lý pháp luật phải tùy thời mà sửa đổi cho thích nghi với trình độ tiến hóa của nơn sanh”. (Trọng Ni tổ thuật Nghiêu Thuấn, biên chương Văn Võ, thượng thuận thiên thời, hạ tập thu thổ – Trung Dung)

Vậy chúng ta nên lược lại những qui luật cổ truyền, như cái thuyết “*Tam tùng, Tứ đức*” chẳng hạn, rồi chậm chước sửa đổi cho vừa lần tiến hóa; nghĩa là chúng ta giữ những cái “*Hay*” hợp thời, bỏ những cái “*dở*” lạc hậu, để đưa đoàn hậu tiến đến con đường “*Thuần phong mỹ tục*”.

Vì trong cuộc sống, chúng ta không thể thiếu cái đẹp, cái đẹp bất biến trường tồn, cái đẹp tiềm ẩn trong con người được biểu hiện qua cách đối nhân xử thế, qua

nét cao quý của tâm hồn, qua cái đạo đức trí tuệ. Cái đẹp đó giúp con người xây dựng nhân cách ngày càng hoàn thiện hơn. Cái đẹp để cập đây, chính là cái đẹp tâm hồn của người phụ nữ, đó là Tam tùng, Tứ Đức.

I. TAM TÙNG LÀ GÌ

Tam Tùng là 3 điều nên theo của phụ nữ là:

- Tại gia tùng phụ,
- Xuất giá tùng phu,
- Phu tử tùng tử.

1.1. Tại Gia Tùng Phụ

Tại nhà (từ thơ ấu đến khi sắp lập gia đình) thì sống theo cha mẹ.

Điều này rất đúng đắn và tự nhiên, bởi vì cha mẹ sinh ra mình, nuôi mình lớn lên, dạy cho biết điều hay lẽ thiệt, thì mình phải vâng lời cha mẹ là lẽ đương nhiên. Tuy nhiên, tùng cha mẹ nhưng phải ý thức là tùng theo lẽ phải và đạo đức, chớ không phải tùng theo một cách mù quáng máy móc.

Phần cha mẹ nên là người hiền lương chơn chất, hết lòng thương con, lo lắng cho con, dạy dỗ con thành người tốt hữu ích cho gia đình và xã hội.

Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn dạy về Tùng Phụ:

*Còn đương thuở tuổi xanh thơ bé,
Rán theo cha học lẽ học văn.
Phép xưa tùng phụ đã hằng,*

Dựa thân cội tử đời hàng trượng phu.

Chỉ khi nào cha mẹ làm điều gì trái với với đạo lý, thì người con cần phải khuyên cha mẹ, nhưng phải bằng tất cả sự thương yêu, hiếu kính, phải hết sức khiêm tốn, nhỏ nhẹ; để nghị cha mẹ nên xét lại điều đó, nếu cha mẹ không bằng lòng, dù có bị la rầy đánh đập, mình cũng giữ lòng tôn kính không oán hận. Đức Khổng Tử dạy rằng:

“Sự phụ mẫu cơ gián, kiến chi bất tòng, hựu kính bất vi, lao nhi bất oán” (Thờ cha mẹ, thì khi cha mẹ có làm điều gì lầm lỗi, con phải tìm cách êm đềm, dịu dàng mà can ngăn, thấy cha mẹ không nghe, thì cũng kính trọng hiếu thảo, không trái lễ, dầu chịu đau đớn khổ nhục cũng không oán giận – Luận ngữ/ Lý nhân, IV)

Trong Tứ đại điều quy của Đạo cũng đã dạy là:

“Dưới gián trên đừng thất khiêm cung” (Tân luật)

1.2. Xuất Giá Tùng Phu

Theo nghĩa hẹp là “Có chồng thì theo chồng”, nhưng nghĩa rộng, ta có thể hiểu đây là nguyên lý “âm dương phối hợp” – Ta thấy từ một nguyên tử li ti trong cơ cấu vật chất, đến những đại tinh cầu trong không gian đều hiện diện hai phần âm dương và luôn phải ảnh hưởng bởi nguyên lý phối hợp này mới tồn tại. Vì “độc âm thì bất sinh, cô dương thì bất trưởng”. Âm dương phối hợp mới biến hóa sinh tồn. Nên kinh Hôn phối có câu:

*“Cơ sanh hóa càn khôn đào tạo,
Do âm dương hiệp đạo biến thiên”*

Nên tòng phu không có nghĩa là lệ thuộc chồng, mà hiểu đúng nghĩa của nó, là người phụ nữ tự nguyện phối

hợp với chồng để tạo dựng một gia đình mới, có thể là vợ theo chồng hoặc chồng theo vợ, điều này không nhất thiết, mà tùy hoàn cảnh mỗi người, nhưng đa số thì người vợ theo về nhà chồng nhiều hơn.

Sự tùng theo chồng, đó là bổn phận của người phụ nữ, mà cũng là hình thức phân chia trách nhiệm giữa vợ và chồng trong gia đình. Người chồng đảm nhận trách nhiệm làm chủ gia đình, lo về kinh tế – làm việc, sanh lợi nuôi sống vợ con; Và ngược lại. Do đó, một cách rất tự nhiên, người vợ luôn đóng vai em, nhường cho chồng quyền làm chủ, còn vợ là phụ tá, giữ gìn gia nghiệp. Mọi việc trong gia đình, người vợ thường đóng góp ý kiến cho chồng giải quyết, nhưng dành cho chồng quyền quyết định sau cùng.

Đó là tùng theo chồng, với điều kiện người chồng phải sáng suốt và tài cán, chứ không phải như thời xưa qui định:

*“Có chồng thì phải theo chồng,
Chồng đi hang rắn hang rồng cũng theo»*

Ngày xưa dù chồng không ra gì vợ cũng vẫn tuân theo, như kiểu “*chồng chúa vợ tôi*”, kiểu đó ngày nay không còn hợp thời nữa, mà:

“Đạo phu thê như đũa nên đôi”

■ [Nữ Trung Tùng Phận]

Về Tùng phu, Nữ Trung Tùng Phận có câu:

*Đến lúc đã chung phòng hòa hợp,
Phải tùng phu là phép xưa nay.*

Trong nhân gian cũng có câu:

“Vai mang khăn gói sang sông,

Mẹ kêu, thưa mẹ có chồng con theo»

✘ *Người vợ thuận tùng chồng bao nhiêu thì càng chỉ huy chồng bấy nhiêu*

Người vợ nên biết rằng sự thuận tùng chồng, đó cũng là một cách chỉ huy chồng khéo léo. Theo Đức Lão Tử thì “*nhu thắng cương*”. Khi người vợ đã nhiệt tình vâng lời chồng, thì trong đó sẽ ẩn tàng một sự chỉ huy chồng khéo léo. Mới nghe thì có vẻ nghịch lý, nhưng trên thực tế về mặt tình cảm, nam giới rất dễ dãi, do đó khi người vợ đã có thiện chí thuận tùng, gây được sự tin yêu với chồng, thì nói gì chồng cũng nghe theo cả... Nên một tâm lý gia kiêm triết học Tây phương nói rằng:

– *Đàn bà hoàn toàn thấy rõ rằng họ càng vâng lời bao nhiêu, thì họ càng chỉ huy bấy nhiêu.*

■ (Jules Michelet)

Đây là một phép xử thế mà ít người hiểu biết và thực hiện được, bí pháp này càng làm tăng cường thêm quyền năng và sứ mạng người phụ nữ mà họ không ngờ. Ngược lại theo khuynh hướng “*bình quyền bình đẳng*” hiện nay, nhiều người phản đối, cho rằng quy chế “*tùng phu*” làm hạ thấp giá trị của người phụ nữ. Đó không những là một nhận định sai lầm nghiêm trọng, mà còn làm đảo điên trật tự trong gia đình.

Phong tục và tập quán trong xã hội, cũng như luật pháp của đời lãn đạo thời nay là nam nữ bình quyền, nghĩa là hai vợ chồng có quyền hạn và nghĩa vụ ngang nhau, không bên nào khinh, không bên nào trọng.

Người đàn ông chỉ được có một vợ, và người phụ nữ chỉ được có một chồng, và vợ chồng phải sống hòa hợp

chung thủy với nhau.

Phương ngôn ta cũng có câu:

*Vợ chồng là ruột là rà,
Anh em có cửa có nhà anh em.*

1.3. Phu Tử Tùng Tử

Chồng chết thì theo con.

Tùng theo con, không có nghĩa là lệ thuộc vào con, hay để con chỉ huy; mà ý nói rằng, khi chồng chết thì người vợ nên ở vậy, thủ tiết thờ chồng, quên mình mà lo tạo dựng cho con.

Thật ra, thời xưa cũng như thời nay, đây không phải là điều bắt buộc, mà chỉ là lời khuyên. Nếu người vợ còn trẻ tuổi, luân lý và luật pháp không cấm người vợ tái giá khi mất tang chồng.

Việc người quả phụ bước thêm bước nữa là việc bình thường, và chúng ta cũng thường thấy như thế. Nhưng nếu người phụ nữ ấy thủ tiết, ở vậy thờ chồng nuôi dạy con khôn lớn, thì đó mới là điều phi thường, đáng tôn trọng; Cái khó khăn mà người ta không làm được, mình làm được thì mới đáng quý, đáng bậc trung kiên, tiết liệt. Vì nó thể hiện lòng cứng cỏi bất khuất, chiến thắng dục vọng bình thường của người nữ.

Không có chiến công vẻ vang nào bằng tự thắng được dục vọng của mình. Nên ngày xưa, người góa phụ nào giữ được như thế, vua ban thưởng, phong tặng cho tấm bảng vàng với bốn chữ:

“Tiết hạnh khả phong”.

Trong nhân gian, hay trong tôn giáo cũng luôn luôn mong muốn người phụ nữ sống cao thượng, cho nên khuyến khích người phụ nữ, khi chồng chết thì không nên tái giá; ở vậy thờ chồng nuôi con và xây dựng cho con. Tuy nhiên, đây chỉ là sự chỉ vẽ đường lối có tánh cách khuyến khích, chứ không bắt buộc. Người phụ nữ tùy ý lựa chọn con đường mình đi, muốn mình sống bình thường như bao nhiêu phụ nữ khác, hay muốn trở nên bậc phi thường, thì người phụ nữ có toàn quyền tự do lựa chọn và định đoạt cuộc đời mình. Ngày xưa có một câu chuyện hài hước, nhưng cũng mang nội dung trên, đó là có một cô tên Nguyễn Thị Đào, chồng chết, làm đơn xin quan huyện tái giá, quan phê trong đơn rằng:

Phê cho cô Nguyễn Thị Đào:

Sông sâu ai nở cắm sào chờ ai?

Chữ rằng: Xuân bất tái lai.

Lấy chồng thì lấy, lấy ai thì đừng!!!

Ý hai câu cuối là khuyên cô Đào không nên tái giá.

Trong cửa Đạo cũng khuyên góa phụ nên thủ tiết thờ chồng, sau đây là lời phê của Đức Phạm Hộ Pháp có liên quan để vấn đề này:

– Phúc trình số 306 đề ngày 4 tháng 4 năm Quý Ty, của Hoà viện và Thánh Vệ vâng lệnh Đức Hộ Pháp minh tra vụ Đặng Văn Nang xin cưới bà Đoàn Thị Ngân làm vợ.

LỜI PHÊ CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

Theo Chơn Pháp thì Hội Thánh chẳng đặt phép phạt cho góa phụ tái giá vì buộc thủ tiết cùng chồng, song Thị Ngân góa chồng khi còn nhỏ tuổi mà con lại đông, phần

côi cút, chẳng đủ sức nuôi con, chỉ có một điều khó tính là con của nó đã được Phạm Môn nuôi dưỡng, thì nó cũng an phận hành đạo trong sở Dưỡng Lão.

Sự giải quyết thân phận của nó cũng gọi là an ổn rồi, thì cũng không lý do gì cần yếu cho nó tái giá.

Ấy là vì tình mà Nang và Ngàn muốn gá nghĩa cùng nhau, thì chúng làm gì tùy ý. Hội Thánh chỉ không bắt tội Thị Ngàn là nhiều lắm rồi.

HỘ PHÁP

(Ấn Kỳ)

Theo bút phê của Đức Hộ Pháp thì vừa hợp lý, vừa cận nhân tình, tuy chơn pháp không cho phép tái giá, và đời sống cô Ngàn đã ổn định, nhưng về tình cảm vẫn để cho góa phụ tùy ý quyết định.

Trong Nữ Trung Tòng Phận, Bà Đoàn Thị Điểm cũng viết về Tòng tử như sau:

Thôi đành gởi tâm hôn giá tuyệt,

Theo nương con cho hết Tam Tòng.

Một là tròn nghĩa thủy chung,

Hai là chia dạ nảo nùng với con.

2. TỬ ĐỨC

Tử Đức là 4 đức tốt của người phụ nữ gồm: Công, Dung, Ngôn, Hạnh.

2.1. Công

Ngày xưa Nữ công là lo về gia chánh: biết coi trong ngõ ngoài, chăm sóc gia đình, nhà cửa cho sạch sẽ, trật tự,

vén khéo; biết nấu nướng các món ăn, biết đường kim mũi chỉ, thêu thùa may vá; để cho chồng con được ăn ngon, mặc ấm, ngoài ra còn biết lo cho chồng, nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

Nữ Công đối với người phụ nữ ngày xưa thì chỉ ứng dụng trong gia đình, còn theo quan điểm hiện đại, thì Nữ công còn nặng nề hơn xưa, đó là:

“Đảm đang việc gia đình, giỏi dang việc xã hội”.

Nghĩa là vừa làm tốt công việc gia đình, vừa lo chu toàn công tác ngoài xã hội, tức là phải quán xuyến cả việc nhà lẫn việc nước.

Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn Thị Điểm dạy về Công như sau:

*Gặp cơn rảnh nhà lan vắng khách,
Công chỉ kim, đèn sách học hay.
Trăm nghề dầu chẳng đủ tài,
Đệt văn Tô Huệ, gỡ đày chinh phu ([1]).*

Trong phần Công, bà Đoàn Thị Điểm còn dạy phụ nữ nên dành thì giờ lo học tập, trau dồi văn hóa nâng cao kiến thức, để giúp chồng làm vẻ vang nòi giống:

*Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
Lấy kinh luân thúc thách quân hồng.
Gươm thư giúp sức gươm hùng
Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.*

■ *[Nữ trung tùng phận]*

Cụ thể Nữ công của người phụ nữ hiện đại là biết sắp xếp công việc gia đình và xã hội sao cho hợp lý. Ngoài ra còn phải có nghề nghiệp ổn định và làm tốt nghề của

mình. Vì làm tốt nghề nghiệp của mình, ngoài sự giúp chồng con, còn giúp người phụ nữ tự tin, khẳng định được khả năng của mình, góp phần vào kinh tế cho gia đình và đóng góp tài năng, trí tuệ xây dựng xã hội.

Ngày nay, tuy có nhiều phụ nữ đã thành công trong cuộc sống, như đảm đang việc nhà, giỏi giang việc nước, sánh vai cùng nam giới trong công cuộc xây dựng xã hội. Nhưng cũng không ít những chị em chênh mảng coi nhẹ về nữ công, nên chữ Công đang có nguy cơ bị phai mờ, đó là một điều sai lầm nghiêm trọng.

Vì trước hết, do đời sống khá giả, một số chị em không biết đến cái cơ bản nhất là giặt đồ, vì *“nhà đã có sẵn máy giặt”*, cho đến nấu ăn cũng là cực hình đối với họ. Thậm chí nhiều chị em hiện nay cũng không màng đến công việc nhà, chỉ giao cho người giúp việc, mà chỉ lo chăm lo nhan sắc để tìm một người chồng giàu có. Hơn nữa, dù đã có gia đình, một số chị em cũng không giỏi Nữ công, như không biết hát ru con, không biết kể chuyện cổ tích cho con nghe, không biết nấu những món ăn dân tộc cho chồng con thưởng thức. Vì hát ru đã có băng đĩa, ăn uống đã có đồ hộp, những món ăn liền bán sẵn.

Chúng ta nên khẳng định rằng người phụ nữ nếu không biết nữ công gia chánh, thì không thể là một người gìn giữ hạnh phúc cho gia đình được bền lâu.

2.2. Dung

Napoléon gọi *“Phụ nữ là những bông hoa có linh hồn”*. Vì thế, chữ Dung đối với phụ nữ rất quan trọng. Dung là tác phong, vẻ mặt và dáng dấp bên ngoài. Người

phụ nữ cần chăm sóc dung nhan cho tươi tắn, tướng đi đứng dịu dàng, cử chỉ từ tốn đoan trang, thân thể sạch sẽ, quần áo thơm mát gọn gàng. Nhiều phụ nữ ngày nay, cao ráo nhờ guốc dép, trắng trẻo nhờ kem dưỡng da, hồng hào nhờ mỹ phẩm, lộng lẫy nhờ thời trang. Những thứ đó cứ có tiền là mua được, song vẻ đẹp trong tâm hồn thì không tiền nào mua nổi.

Một số phụ nữ lại rất chăm chú đầu tư về hình thức, nhưng họ không biết rằng, đàn ông thích mộc mạc: “*Đơn giản là đẹp*” (C'est beau et simple), hoặc là “*tốt gỗ hơn tốt nước sơn*”. Nếu một phụ nữ chỉ là người ăn mặc đúng mốt, đúng thời trang, nhưng không có tâm hồn cao thượng, không có trí tuệ minh mẫn thì thật sự không có vẻ đẹp; Cái đẹp hoàn hảo là cái đẹp cả hình thức bên ngoài lẫn bên trong tâm hồn. Cái đẹp là biết thông cảm với mọi người, sống kính trên nhường dưới, biết tôn trọng người khác, biết quảng đại trao ban.

Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn Thị Điểm dạy về Dung như sau:

Phàm phận gái đứng hàng khuê cát.

Phải trau tría tướng hạc hình mai.

Chín tầng cửa đóng then gài,

Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang.

Dung của người phụ nữ thời nay, không còn là nét đẹp “*yếu điệu, liêu yếu đào tơ*” mà ngày nay, vẻ đẹp phụ nữ rất đa dạng. Có vẻ đẹp kiêu sa, quý phái, năng động, cũng có cả vẻ đẹp “*bức lửa*”; nhưng cái đẹp được ưa chuộng nhất là vẻ đẹp khoẻ khoắn, vì khỏe để làm việc tốt, để giữ gìn hạnh phúc gia đình và để sinh ra những đứa con thông

minh, khỏe mạnh.

Đồng thời, Dung còn là nét đẹp nữ tính: gọn gàng, tinh tế trong cách ăn mặc và trang điểm, là vẻ mặt linh hoạt, luôn tươi cười; là phong thái cởi mở, hòa nhã, là cử chỉ thân mật, chân thành. Nhất là luôn biết nhu hòa, khiêm tốn với mọi người. Đức Khổng Tử khuyên:

*“Xuất môn như kiến đại tân,
Sử nhân như thừa đại tể”.*

■ *(Luận ngữ/ Nhan Uyên XII/ II)*

Nghĩa là ra khỏi nhà phải ăn mặc chỉnh tề như tiếp một vị khách quý. Sai bảo người khác làm việc, thì nghiêm chỉnh cẩn trọng như sắp làm chủ một cuộc tế lễ lớn. Ngày nay nhiều chị em ăn mặc quá cầu thả, ngay khi ra đường cũng mặc hở hang, áo treo hai dây, mặc quần cụt đến ...!!! Ngày xưa Hitler, tuy là nhà độc tài khét tiếng, nhưng luôn ăn mặc tươm tất ngay trong nhà, kể cả khi xuất hiện trước người giúp việc.

Vì thế, Dung là vẻ đẹp của sự hài hòa giữa hình thức và tâm hồn. Sắc đẹp là điểm phúc của người phụ nữ, nhưng bản thân sắc đẹp không phải là đức tính, mà cái cái đẹp của nét na mới đáng quý, vì:

“Cái nét đánh chết cái đẹp”.

Từ đó ta có thể nhận định rằng:

“Không có phụ nữ nào xấu, mà chỉ có những người phụ nữ không biết làm cho mình đẹp mà thôi”.

Cái sai lầm của một số phụ nữ Việt Nam ngày nay là dành ưu tiên cho việc đầu tư ngoại hình, để không thua em kém chị. Nhưng cái đáng buồn là nét đẹp bên trong lại tỉ lệ nghịch với cái đẹp bên ngoài. Vì cái đẹp bề ngoài

để trau chuốt hơn, nên phụ nữ thời nay thích cái dễ, vì họ đang sống trong thời đại “*mì ăn liền*”.

2.3. Ngôn

Ngôn là lời nói phải thành thật, ngay thẳng, dịu dàng, xác đáng, gây được tình cảm tốt đẹp trong mọi người; tránh lời thị phi, nói hành, đâm thọc, xảo trá lợi mình hại người.

Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn dạy về Ngôn:

*Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,
Nhớ cho hay lời nói giọng cười.
Ngôn từ ngọt dịu thanh tươi,
Tiếng tiêu khải phụng, phụng người mới ngoan.*

Người xưa có câu:

*“Chim khôn kêu tiếng rảnh rang,
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe”.*

Lời nói có duyên bao giờ cũng gây được thiện cảm với người nghe.

Ngôn trong Tứ Đức là lời nói dịu dàng, có duyên. Không thể phủ nhận sức thuyết phục của người phụ nữ mỗi khi lên tiếng khuyên chồng, dạy con ở nhà, dàn xếp công việc, thương lượng trong kinh doanh. Ngôn là lời nói có duyên, sẽ gây được thiện cảm với người nghe, người phụ nữ có lời nói dịu dàng, giọng nói nhẹ nhàng thì hiệu quả càng lớn khi dạy bảo con cái, khi khuyên nhủ người chồng và cả khi dàn xếp công việc ngoài xã hội, thương lượng trong kinh doanh.

Thậm chí hiện nay cũng có nhiều phụ nữ đảm trách

việc ngoại giao, tiếp xúc với ngoại bang, họ chỉ dùng ba tất lưỡi ngọt ngào, đã đem lại thành công cho quốc gia đại sự.

Ngày nay, người phụ nữ không chỉ cần nói năng lịch thiệp, mà còn rất cần sự thẳng thắn, chống lại sự bất công trong gia đình và ngoài xã hội. Nên lời nói của người phụ nữ càng dịu dàng, tế nhị, thì sức thuyết phục và sự thành công càng cao.

Bất kỳ nam hay nữ ra đời nên lưu ý cách nói chơi giữa đám đông, vô tình làm xúc phạm đến người khác, Kinh Sâm hối khuyên rằng:

*“Đừng chõ đong buông tánh quá vui,
Cợt người ra bộ dễ duôi,
Sinh điều xích mích đâu người dạ hờn”*

Cách nói chơi cũng là một nghệ thuật, đừng bao giờ đem những khuyết điểm của người khác ra diễu cợt, mà nên tìm những ưu điểm để biểu dương, thì họ rất hài lòng hơn là đem cái xấu của người ta ra bêu riếu, đó là một cách xúc phạm khó tha thứ. Nhất là đừng bao giờ luận bàn đến chính trị và tôn giáo, là hai vấn đề rất nhạy cảm, thường xảy ra sự bất đồng chính kiến, dễ gây bất hòa với nhau.

Khi ra đời, mọi lời nói năng nhỏ nhẹ, đều hiệu quả hơn cách nói oang oang, như lệnh võ, hoặc phát ngôn bừa bãi, chứng tỏ mình là người thiếu hiểu biết.

2.4. Hạnh

Hạnh là tánh nết hiền lành, hòa nhã, hiếu thảo, kính trên nhường dưới, khoan dung và đoan chính. Giá trị sự hiền hòa của người phụ nữ được Napoléon nhận định rằng:

“Đàn bà đẹp làm vui mắt, đàn bà hiền làm vui lòng.”

Người trước là một thứ nữ trang, còn người sau là một kho tàng”.

Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn dạy về Hạnh như sau:

*Sửa từ nết, ngày thâu tập tánh,
Trăm hạnh hay bởi tránh điều thô.
Xấu xa rách rưới lỏa lồ,
Đoan trang tánh đức cũng cho gái lành.*

Hạnh của người phụ nữ ngày nay, tuy không lệ thuộc chồng con, nhưng đức hạnh muôn đời vẫn là yêu chồng, thương con, giàu lòng hy sinh, chung thủy trong hôn nhân, không đua đòi trong cuộc sống, có tinh thần trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.

Đồng thời, người phụ nữ cần có lòng vị tha, độ lượng với mọi người; có ước mơ, hoài bão trong nghề nghiệp và biết nỗ lực biến ước mơ thành hiện thực. Cần có lòng nhân, chia ngọt sẻ bùi với nỗi bất hạnh của tha nhân.

Biết nhường nhịn chồng và gia nường^[3], giữ gìn hòa khí trong gia đình, để gia đình yên vui.

*“Chia chồng vì dạ sắt son^[4]
Nhịn chồng bởi chút sắp con cái nhà”*

■ [Nữ Trung Tùng Phận]

Người phụ nữ như vậy, sẽ xây dựng gia đình thành một tổ ấm cho nhiều thế hệ, là nơi nương náu cho trẻ thơ, là trạm dừng chân nghỉ ngơi cho trai tráng, là thành lũy cuối cùng của tuổi già.

[3] Gia đình nhà chồng.

[4] Chia sớt tình thương của chồng cho hầu thiếp.

Đức hạnh của người phụ nữ ngày nay đang bị xói mòn!!!. Vì một số bạn gái tưởng lầm rằng phải biết uống rượu, đánh nhau, đi hoang qua đêm, bỏ học, chửi thề và yêu nhiều, mới là *«người phụ nữ lý tưởng»*.

Theo nhiều nhà tâm lý học đã nhận định rằng, một trong những nguyên nhân dẫn đến giảm đức hạnh của các bạn gái là cha mẹ chưa quan tâm con cái đúng mức. Các bạn gái đâu có biết rằng, khi lập gia đình thì mọi buồn vui, hạnh phúc, đau khổ, thành công hay thất bại đều do cái đức hạnh của người phụ nữ quyết định cả.

Về trình tiết, trong đạo vợ chồng vấn đề tình dục là điều không thể thiếu, nhưng người phụ nữ phải biết giữ gìn trình tiết cho đến khi về nhà chồng. Lớp trẻ ngày nay quan niệm rất hời hợt về chuyện giữ gìn trình tiết, cho yêu là hiến dâng, là quan hệ xác thịt, thậm chí khi chưa yêu, chỉ mới quen nhau cũng vẫn quan hệ tình dục.

Ngày nay, có nhiều bạn gái thích sống thử trước hôn nhân. Một số bạn rất ngây thơ trong chuyện này: Ai sẽ là người chịu thiệt thòi? Nạn nhân chính là người con gái. Con trai vốn ích kỷ, họ chỉ muốn được thỏa mãn nhu cầu xác thịt, nhưng khi cưới vợ, họ lại muốn người con gái ấy hoàn toàn trinh nguyên.

Đến một ngày nào đó, bạn sẽ gặp một người mà bạn thật sự yêu thương, liệu bạn có đủ dũng cảm để đối mặt với người ấy và liệu họ có chấp nhận khi bạn không còn trong trắng? Hay họ luôn nghi ngờ sự nhẹ dạ của bạn:

«Rủi để khách tóm thâu tiết hạnh,

Tránh không qua nhẹ tánh nghi ngờ.

■ *[Nữ Trung Tùng Phận]*

Vì thế, người con gái phải tự bảo vệ cái quý giá nhất của đời mình. Sống thử, nếu dính bầu thì đi phá thôi sao? Đừng vì một giây phút nông nổi, mà bạn phải ân hận khi mất cái thiên chức làm mẹ.

Về trình tiết của người phụ nữ, trong Nữ Trung Tùng Phận bà Đoàn Thị Điểm khuyên như sau:

*Gái mẹ dạy ân cần cho lắm,
Đừng để mình lụy đến sông Tương.
Bông dẫu đẹp, khá gìn hương,
Quý chi liễu ngõ hoa tường trao duyên.
Đóng chặt cửa giữ nguyên trinh tiết,
Trọng thân danh bền nét đào yêu.*

Các bạn gái Việt Nam trong thời đại ngày nay, đúng là có rất nhiều cám dỗ và chạm bậy, nhưng các bạn hãy tự bảo vệ chính mình, đừng tự hủy hoại bản thân và cuộc sống sau này. Tiêu chuẩn tối cao của cái đẹp muôn thuở vẫn là sự hài hòa giữa sắc đẹp thân thể và nhân cách.

TIỂU KẾT

Tóm lại nguyên nhân khiến phụ nữ ngày nay không coi trọng Tứ Đức vì với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, kinh tế và đời sống hưởng thụ đã làm cho Công, Dung, Ngôn, Hạnh đang bị xói mòn. Một số chị em không còn coi trọng “Tứ Đức” của ông cha dạy bảo nữa.

Chúng ta có thể khẳng định, Tam tòng, Tứ đức của người phụ nữ không thời nào có thể xem nhẹ được. Trong các gia đình ở Hàn Quốc, Nhật Bản, Tam tòng, Tứ đức của người phụ nữ đang ngày càng được đề cao, mặc dù hai quốc gia này có nền kinh tế rất phát triển. Việt Nam ta

gần đây, do mãi bận rộn với đời sống kinh tế, mà các gia đình xem nhẹ việc giáo dục Tứ đức cho con gái. Vì thế, xu hướng nam tính trong phụ nữ nước ta gần đây đã tăng lên. Nhiều bạn gái, sống như con trai, và nếu như thế thì họ không còn là phụ nữ nữa. Đó là một điều rất thiệt thòi cho nữ giới.

Tam tùng Tứ đức mãi mãi là «*khuôn vàng thước ngọc*» của người phụ nữ ở mọi thời đại, nhưng phải linh động, tức là phải có sự thay đổi để phù hợp với sự đổi mới, nghĩa là phải hợp lý và cận nhân tình.

Một người đàn ông có được một người vợ đủ Tứ đức, là một niềm hạnh phúc lớn lao đối với họ. Họ và con cái sẽ có một gia đình hòa thuận, yên vui, được ăn ngon, mặc ấm. Đặc biệt là việc giáo dục con cái, nếu người mẹ không đủ Tứ đức, không giỏi nữ công gia chánh, thì con cái sẽ rất thiệt thòi, nhất là con gái.

3. SỰ THĂNG HOA VỀ TAM TÙNG, TỨ ĐỨC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ CAO ĐÀI

Người phụ nữ Cao Đài, đã dãi dầu với cuộc sống, họ đã nếm nhiều đau khổ; khi trẻ thì lụy vì ái ân, thể non hện biển, khi có gia đình thì khổ vì chồng con, sinh đẻ, ghen tương, tranh danh đoạt lợi. Ngoài xã hội thì khổ vì mạnh hiếp yếu, dữ lấn hiền, hại nhau chẳng kể gì nhân nghĩa!!! Chung cuộc, đời họ được mấy ngày vui, chỉ toàn là sầu thảm, y như một giấc mộng:

*Ngắm cuộc thế chẳng bằng một giấc
Kiếp phù sinh chẳng thất là bao
Nhặng là đeo thảm chác sâu,*

Tóc xanh cho tới bạc đầu cũng in.

■ [Nữ Trung Tùng Phận]

Nên đã tỉnh ngộ, quyết tâm lia bỏ:

«Đoạn tình ái đem quăng bể khổ,

Dứt hồng duyên, tính bỏ non thê.

Nấy bờ tục, nợ bến mê,

Từ đây ta quyết không về thấy người.

Vì thấy đó, cả cười lộn khóc,

Sách của người không học mà say.

Cửa người, cửa đọa cửa đây,

Ghét người ta dứt từ ngày bữa ni.

Lần chuỗi hạt từ bi cứu khổ,

Lấy gió thanh Trăng tỏ làm nhà...

■ [Nữ Trung Tùng Phận]

Nên họ nương mình vào cửa đạo,:

«Trương thẳng cánh con thuyền Bát nhã,

Cỡi đau thương, giải quả trừ khiên.

■ [Nữ Trung Tùng Phận]

Để quên đau thương, họ công phu, tụng niệm, tìm niềm vui và tìm phương giải khổ cho mình:

Những tháng mông tháng thâu năm lụn,

Sớm công phu, tối tụng vãng sanh.

Đã quen cửa Phạm lánh mình,

Nên phương nhờ bởi đoạn tình ái yêu.

■ [Nữ Trung Tùng Phận]

Đó là những nguyên nhân khiến họ tỉnh ngộ, để lần bước từ Nhơn đạo qua Thiên đạo.

Người phụ nữ Cao Đài, muốn bước vào phần Thiên đạo thì phải thực hiện xong Tam tùng Tứ đức của Nhơn đạo, rồi còn phải trau luyện để nó thăng hoa thành Tam Tùng Tứ Đức của Thiên đạo, trở nên một trong Thánh thể Chí Tôn, để tế độ chúng sanh, mới mong thoát khỏi oan khiên, trở về ngôi vị cũ.

Ngay bà Đoàn Thị Điểm dù nguyên căn là một nữ Tiên, nhưng trong kiếp sanh thiếu công phổ độ, nên khi qua đời vẫn ngồi ở Thanh Tịnh Đại Hải, Chờ 178 năm sau khi khai Đạo, Đức Chí Tôn ân xá cho bà về cơ viết tám bài Kinh Thế Đạo và quyển Nữ Trung Tùng Phận để tế độ nữ phái, Bà mới được trở về Diêu Trì Cung (Theo thuyết đạo của Đức Hộ Pháp 26-10 Tân mao - 1951).

Vì có công phổ độ mới giải được tiền khiên oan trái, nên Đức Chí Tôn dạy rằng:

“Có công phổ độ giải tiền khiên”

Dù cho một vị Đại La Thiên Tiên xuống trần mà không tu, tức là không có công phổ độ, thì cũng không thoát khỏi được cửa luân hồi.

Phần Tam tùng, Tứ đức của Thiên đạo được Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ dạy như sau:

TAM TÙNG, TỨ ĐỨC LÀ VỀ PHẦN NỮ PHÁI

✧ **Tam Tùng**

- **TÙNG PHỤ:** *Như người con gái phải giữ trọn tiết trinh, cũng như kẻ tín đồ phải giữ tròn danh Đạo.*
- **TÙNG PHỤ:** *Như bóng với hình, tức nhiên phải ví mình như một trong Thánh thể, tùng Hội Thánh.*
- **TÙNG TỬ:** *là phải vì đám hậu sanh mà quên mình,*

đặng tạo nên sự nghiệp tương lai cho chúng, tức nhiên là bốn phận của Chức sắc vậy.

✧ **Tứ đức**

*Công, Dung, Ngôn, Hạnh, tức là việc làm cho cho
nhơn sanh thoát khổ, lời nói để đưa đường giáo hóa, hành
vi cử chỉ để treo gương mặt thế, tức là phải biết nâng cao
giá trị của Thánh thể Đức Chí Tôn, nét na đậm thắm, giữ
trọn thương yêu, tức nhiên là làm nền móng cho Đại đồng
Thế giới.”*

■ *[Thánh ngôn sưu tập]*

Người nữ tín đồ Cao Đài thực hành trọn vẹn phần
Nhơn đạo để bước vào Thiên đạo, thì mới được giải thoát
khỏi vòng luân hồi sanh tử. Nữ Trung Tùng Phận có câu:

Vẹn nhơn đạo, đi lần nẻo chánh,

Đến vô ưu đặng lánh nhơn luân.

Thuyền con mệch mệch như rừng,

Đon đường thánh đức, hỏi chừng Như Lai.

Sứ mệnh của người phụ nữ Cao Đài về Tam tùng,
Tứ đức của Thiên đạo đại để như sau:

📖 **Tam tùng của Thiên đạo**

– **Tùng phụ: Theo Cha.**

Cha đây là Đấng Cha Trời, là Đại Từ Phụ. Phải tuân
theo lời dạy của Ngài, tu hành tinh tấn, làm lành lánh
dữ, diệt lục dục, lánh phàm tâm, thì linh hồn mới trôi
bước lên phẩm vị cao sang, thoát đọa luân hồi. Nữ Trung
Tùng Phận có câu:

Bế ngũ quan, không kiêng tục tánh,

Diệt lục trần, xa lánh phàm tâm.

*Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,
Đạt phương tự diệt giải phần hữu sanh.*

- Tùng phu: Theo chồng

Chồng thuộc Dương, vợ thuộc Âm, vợ chồng hòa hợp (cơ ngẫu) thì cũng như sự tu luyện làm cho Âm Dương trong cơ thể tương hiệp nhau, tức là đạt được Ngũ khí triều ngưng, Tinh Khí Thần hiệp nhứt, thì đắc đạo tại thế, Trong Nữ Trung Tùng Phận có câu:

*Ngũ Khí thanh diệt trừ quả kiếp,
Linh quang đầy đặn tiếp hồng ân.
Xác tại thế đã nên Thần,
Ba mươi sáu cõi, đặn gần Linh Thiên*

Khi đắc Đạo trở nên một trong Thánh thể, tùng quyền Hội Thánh tế độ nhơn sanh.

- Tùng tử: Theo con

Sau khi đắc Đạo rồi, còn phải trở lại dìu dắt những đứa con đang dại khờ chìm đắm trong vòng vật dục, để chúng sớm giác ngộ mà quay trở lại con đường Đạo. Nữ Trung Tùng Phận có câu:

*Lấy tâm chánh làm cân đồng thể,
Cậy lòng lành làm kế diu đời.
Chông gai vạch bước thánh thời,
Lấy phương cứu khổ độ người trầm luân.*

📖 Tử đức của Thiên Đạo

- Công

Từ chỗ chăm lo đời sống đạo đức cho gia đình như khuyên chồng, dạy con, họ còn lo cho chúng sanh, truyền

bá kinh sách giáo hóa người đời, phụng sự nhơn sanh, để tạo công đức cho mình. Nữ Trung Tùng Phận có câu:

*Chừ mới rõ nguồn cơn kiếp sống,
Tắc thầy phạm rất mỏng số căn.
Ham phương cứu thế độ nhân,
Giải mê khách tục, cõi trần lánh xa.*

- Dung

Người phụ nữ Cao Đài cần trau dồi vẻ đẹp thể chất lẫn tâm hồn cho hài hòa, rồi biểu hiện ra bằng tình thương bao la, cứu giúp chúng sanh thoát khổ. Nữ Trung Tùng Phận có câu:

*Lấy bác ái làm hòa vạn vật,
Đem thiện duyên xây nấc thang hồng.
Đoạn căn, đóng chặt Âm cung,
Tòa sen chín phẩm để cùng Phật Tâm.*

- Ngôn

Từ chỗ nói năng đoan chính đem lại hòa ái cho mọi người, tiến lên nói điều đạo đức, thuyết minh giáo lý, khai mở tâm tánh, thức tỉnh nhơn sanh biết tu hành, tòng lương cải ác, bà Đoàn Thị Điểm dạy như sau:

*Gót nhàn ái đến nhà kẻ bịnh,
Giọng từ bi thức tỉnh hung tâm.
Giữa cơn náo loạn trời căm,
Lấy hơi hòa nhã đẹp lần bi thô.*

■ (Nữ Trung Tùng Phận)

- Hạnh

Từ đức tánh hiền hòa nhân hậu, lập hạnh từ bi, tiến lên đến mức bác ái vị tha, để thay Trời độ thế, diu đời vào

đường đạo đức, cứu vớt chúng sanh đồng thoát khổ, nên Nữ Trung Tùng Phận dạy rằng:

Trăm tuổi sống chẳng lăm tuổi sống.

Một kiếp sanh chưa trọn kiếp sanh.

Thay thân Tạo Hóa là mình,

Nâng niu sanh chúng mới đành chữ Nhơn.

Tóm lại, Tam tùng Tứ đức của người phụ nữ đạo Cao Đài trong Thiên đạo, chỉ là sự thăng hoa đến mức cao tốt độ, của Tứ Đức và Tam Tùng Nhơn đạo.

TIỂU KẾT

Theo quan điểm của Cao Đài giáo thì quyền năng và sứ mạng của người phụ nữ rất là hệ trọng đối với sự sinh tồn của nhân loại.

Với người phụ nữ, sứ mạng cao cả của họ là để tạo nên những thể xác cho những linh hồn sẽ đầu thai xuống trần. Vậy phụ nữ không nên coi sứ mạng này là một việc phiền não, không nên bàn tới. Trái lại đó là sự vinh diệu nhứt của một kiếp làm đàn bà, một cơ hội lớn lao mà chỉ đàn bà mới có, còn đàn ông thì không làm được, sự huy hoàng của người làm mẹ thì không phải là của họ.

Chính nữ giới mới làm công việc to tác này, để giúp đỡ thế gian trong việc duy trì nòi giống, và họ làm công việc này với một sự hy sinh, đau đớn, mà một số nam giới có thể không biết hết được một cách trọn vẹn về sự hy sinh, huyền bí của họ.

Để thực hiện được sứ mạng cao cả nêu trên, người phụ nữ cần tu tâm dưỡng tánh cho thuần phát thiên lương, tạo một phẩm chất trong sáng, để đón nhận được

những Chơn linh cao trọng từ cõi trên đầu thai đến với mình, vì thế gian có câu:

*“Mẹ hiền thì sinh con hiền,
Mấy đời mẹ cú con tiên bao giờ”.*

Như vậy chắc chắn họ sẽ sanh được những đứa con thông minh, hiền ngoan và dễ dạy, lớn lên sẽ làm rạng danh cha mẹ và hữu ích cho đời.

Phần Tam tùng Tứ đức của Nhơn đạo và Thiên đạo vẫn mãi hòa quyện, kết hợp với nhau và trở thành chuẩn mực nhân cách của người phụ nữ trong thời hiện đại nói chung, phụ nữ Cao Đài nói riêng.

Nó không chỉ là nền tảng giá trị của người phụ nữ về mặt Thế đạo, mà còn giúp cho nữ lưu bước vào lãnh vực Thiên đạo, để công phu, trau tâm luyện tánh hầu biến oan khiên trở thành hồng ân, dứt sạch nợ trần, trở nên Tiên Thánh. Nên Nữ Trung Tùng Phận đã đề cập như sau:

*Ngôi mà lóng tiếng đờn vô cực,
Phước siêu thăng đặng thất nơi ta.
Biết coi thế giới như nhà,
Sống nên Chí Thánh, thác là Thần Tiên.*

*Câu tư dục biến ra bác ái,
Nghiệp oan khiên đổi lại hồng ân.
Khi kinh Thánh, lúc kệ Thần,
Đoạn trường diệt dứt nợ nần nữ lưu.*

Người phụ nữ Cao Đài, khi xử tròn Nhơn đạo thì tiến lên Thiên đạo, là đặt mình trong Thánh thể Chí Tôn để độ đời, cứu thế, dùng từ bi để thức tỉnh hung tâm, dạy dỗ chúng sanh tùng lương cải ác.

*“Để chuông mõ dựa kê son phấn,
Chất nhờn tình chồng cận kề kinh.
Tâm ẩn ái giúp Chí Linh,
Biển mê chèo chiếc thuyền tình độ nhân.*

Người phụ nữ Cao Đài đã đắc Đạo, khi sống thì hiệp với Đấng Hóa Công cầm quyền chuyển thế, khi chết thì trở về ngôi xưa vị cũ, thoát đọa luân hồi, tiêu dao nơi cõi Thiêng liêng hằng sống, trong Nữ Trung Tùng Phận đã đề cập như sau:

*Hiệp Tào Hóa cầm quyền chuyển thế,
Dạy vạn linh dụng thể từ bi.
Sanh ấy ký, tử là qui,
Diệu huyền cơ Tào chẳng gì gọi hơn.*

Tóm lược những nét chính yếu của Tam tùng Tứ đức Nhơn đạo lẫn Thiên đạo như sau:

 1. *Tam tùng Tứ đức của Nhơn đạo*

– *Tam tùng*

- ▣ **TẠI GIA TÙNG PHỤ:** từ bé đến khi có gia đình ở nhà nghe theo lời cha mẹ.
- ▣ **XUẤT GIÁ TÙNG PHỤ:** có chồng theo chồng.
- ▣ **PHỤ TỬ TÙNG TỬ:** chồng chết ở với con, thờ chồng, tiếp tục xây dựng gia đình, nuôi dạy con.

– *Tứ đức*

- ▣ **CÔNG:** là biết sắp xếp công việc gia đình và xã hội hợp lý, có nghề nghiệp ổn định và làm tốt nghề của mình. Ngoài việc giúp chồng con, còn góp phần vào kinh tế cho gia đình và đóng góp tài năng, trí tuệ xây dựng xã hội.

- **DUNG:** là phong thái nghiêm trang, chân thành, thân mật, nhất là luôn nhu hòa, khiêm tốn với mọi người, luôn vui tươi và linh hoạt. Thanh tao, gọn gàng trong cách ăn mặc và trang điểm.
Cái dung nhan hoàn hảo của phụ nữ là cái đẹp cả hình thức bên ngoài lẫn bên trong tâm hồn. Cái đẹp bên trong là biết thông cảm với mọi người, sống kính trên nhường dưới, biết tôn trọng người khác, biết quảng đại trao ban.
- **NGÔN:** trong Tứ Đức lời nói thành thật, ngay thẳng, dịu dàng, chính xác, tránh nói hành, thị phi, xảo trá lợi mình hại người. Lời nói có sức thuyết phục, gây được tình cảm tốt đẹp cảm hóa được mọi người; người phụ nữ có lời nói dịu dàng, giọng nói nhẹ nhàng thì hiệu quả càng lớn, rất có lợi mỗi khi lên tiếng khuyên chồng, dạy con, dàn xếp công việc, thương lượng trong kinh doanh.
- **HẠNH:** là tánh nết hiền lành, hòa nhã, hiếu thảo, kính trên nhường dưới, khoan dung và đoan chính.

Hạnh của người phụ nữ muôn đời vẫn là yêu chồng, thương con, giàu lòng hy sinh, chung thủy trong hôn nhân. Đồng thời, cần có lòng vị tha, độ lượng, biết nhường nhịn chồng và gia nường để gia đình êm ấm; có ước mơ, hoài bão trong nghề nghiệp và biết nỗ lực biến ước mơ thành hiện thực. Cần có lòng nhân, chia ngọt sẻ bùi với nỗi bất hạnh của tha nhân.

Về trình tiết, người phụ nữ phải biết giữ gìn tiết hạnh cho đến khi về nhà chồng, không nên sống thử trước hôn

nhân, người con gái phải tự bảo vệ cái quý giá nhất của đời mình, đừng tự hủy hoại bản thân và cuộc sống sau này. Tiêu chuẩn tối cao của cái đẹp muôn thuở vẫn là sự hài hòa giữa sắc đẹp thân thể và nhân cách.

2. Tam Tùng Tứ Đức của Thiên đạo

– Tam tùng của Thiên đạo

- **TÙNG PHỤ:** là theo Đại Từ Phụ (Cha Trời), Phải tuân theo lời dạy của Ngài, siêng năng tu hành, làm lành lánh dữ, diệt lục dục, lánh phạm tâm, thì linh hồn mới trở bước lên phẩm vị cao sang, thoát đọa luân hồi.
- **TÙNG PHỤ:** là tu luyện đắc đạo để trở nên một trong Thánh thể, tức là một chức sắc Thiên phong, tùng quyền Hội Thánh tế độ nhơn sanh.
- **TÙNG TỬ:** là sau khi đắc đạo rồi, phải trở lại hành đạo, dìu dắt chúng sanh đang chìm đắm trong vòng vật dục, để họ sớm giác ngộ cải tà quy chánh.

– Tứ đức của Thiên Đạo

- **CÔNG:** từ chỗ chăm lo đời sống đạo đức cho gia đình, như khuyên chồng, dạy con, họ còn lo cho chúng sanh, truyền bá kinh sách giáo hóa người đời, phụng sự nhơn sanh.
- **DUNG:** trau dồi tác phong đoan chính cả thể chất lẫn tâm hồn cho hài hòa, rồi biểu hiện ra bằng tình thương bao la, cứu giúp chúng sanh thoát khổ.
- **NGÔN:** là nói năng nghiêm túc, đem lại hòa ái cho mọi người, tiến lên nói điều đạo đức, thuyết minh giáo lý, khai mở tâm tánh, thức tỉnh nhơn sanh biết tu hành, tùng lương cải ác.

- **HẠNH:** là từ tánh hiền hòa nhân hậu, lập hạnh từ bi, tiến lên đến mức bác ái vị tha, để thay Trời độ thế, điu đời vào đường đạo đức, cứu vớt chúng sanh đồng thoát khổ.

Cũng có nhiều chị em đã sớm chọn con đường tu chơn, không lập gia đình, tức là vượt qua phần Tùng phu, Tùng tử, của đời người phụ nữ, nhưng cũng phải giữ tròn Công Dung Ngôn Hạnh của Thế đạo trong đời sống hằng ngày, để tiến lên Tam tùng Tử đức của Thiên đạo, thì mới hy vọng thoát đọa luân hồi, trở về ngôi xưa vị cũ.

KẾT LUẬN

ƯNGHĨA MỤC ĐÍCH CỦA TAM CANG NGŨ THƯỜNG, Tam tòng Tứ đức trong Khổng giáo rất hữu ích và thiết thực. Nhằm vào việc làm thế nào để mỗi con người có đạo đức, để có một gia đình hạnh phúc, một xã hội thanh bình; nhưng cái tốt ở đây chỉ có nghĩa là không xấu mà thôi. Nên nhiều triết gia cho rằng hệ thống luân lý của Khổng giáo chỉ chú trọng vào phía tiêu cực, chứ ít khi nhìn về phía tích cực.

Nó tiêu cực ở chỗ chỉ nhằm vào bốn phạm, chứ không nhằm vào quyền con người. Nó dừng lại ở chỗ chỉ khuyên người ta đừng làm những điều xấu; để có một gia đình yên vui và xã hội thanh bình, chứ không khuyên phấn đấu vươn lên.

Một gia đình và xã hội tốt của Khổng giáo có thể là một gia đình có lễ nghi, có trật tự, có một đời sống thanh bản; trong một xã hội không có chiến tranh và loạn lạc, không có áp bức, không có tham nhũng, không có cáo trợn. Nhưng nó không mang ý nghĩa kích thích tích cực để có một xã hội phát triển tiến bộ, hùng cường và một gia đình hưng thịnh (vì Nho gia khuyên con người giữ thanh bản, cho rằng làm giàu là ác – vi phú bất nhân. Thanh bản thì vui, giàu thì nhiều lo lắng – Thanh bản thường lạc, trọc phú đa ưu).

Khổng giáo khuyên con người cần lấy cái vui ở đời để cho lúc nào trong lòng cũng thanh thản thanh thơi,

không lo buồn bận bịu điều gì cả. Người quân tử của Khổng giáo thì “*tùy cảm nhi ứng, tùy ngộ nhi an*” (gặp cái gì cảm đến thì ứng thuận, gặp cảnh ngộ nào cũng an vui), nên không có nghịch cảnh nào mà mình không thích nghi vui thú được; hoặc khuyên rằng người quân tử lập thân xử thế, cam chịu áo xấu cơm thô, cam tâm gian khổ lao động, như vậy có thể không lỗi (Quân tử chi thế dã, cam ác y thô thực, cam tâm gian khổ lao động, tư khả dĩ vô thất hi! / Nhan Tử/ di thư).

Nhưng dù có tiêu cực đi nữa, đạo lý luân thường vẫn có nhiều giá trị thực tế đối với cuộc sống hiện tại của con người.

Năm mối liên hệ vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè, tuy không bao quát được tất cả mọi liên hệ giữa người và người trên thế gian này nhưng nó cũng bao gồm được những mối dây liên hệ chính rất quan trọng trong gia đình cũng như ngoài xã hội.

– Quan hệ vua tôi có thể hiểu rộng ra là người lãnh đạo và người được lãnh đạo, người chỉ huy và người được chỉ huy, người ra lệnh và người tuân hành, chủ nhân và công nhân...

– Quan hệ cha-con thì hiểu là liên hệ giữa cha mẹ và con cái, kể cả dâu rể.

– Quan hệ bạn bè thì có thể mở rộng đến những cộng sự viên, người lân cận, láng giềng, đồng nghiệp...

– Quan hệ vợ chồng, thì lúc nào cũng lấy tinh thần hòa ái, kính trọng lẫn nhau. Nghĩa là luôn trong vòng lễ giáo kính mến. Nên chồng phải có ân nghĩa với vợ, tức là thương yêu giúp đỡ vợ, vợ phải thuận hòa, kính mến chồng.

Hiểu rộng như vậy thì ngũ luân có thể bao gồm hầu hết các mối liên hệ giữa người và người trên cõi đời này.

Tuy nhiên tiêu chuẩn đạo đức cho mỗi mối dây liên hệ có thể được thay đổi cho thích hợp với đời sống của con người ở ngưỡng cửa văn minh hiện đại hơn.

Đến như Ngũ thường thì quả thật đáng được chúng ta tiếp nối và làm tươi mới lại, nhằm thiết lập cho con người có những đức tính cần thiết cho cuộc sống tốt đẹp và lành mạnh. Chỉ cần ba chữ: chữ Nhân, chữ Nghĩa, chữ Tín là những điều cần phải trau dồi và áp dụng ở trong đời sống, từ vua quan cho đến thứ dân – hay từ người dân cho đến cấp lãnh đạo, nhất là cho những người có ít nhiều quyền lực ở trong tay.

Không có lòng Nhân, những kẻ cầm quyền có thể chỉ là những kẻ bạo tàn, dùng mọi biện pháp phi nhân để kềm kẹp người dân, bắt buộc người dân phải sống khổ sở mà phục vụ cho bạo quyền.

Không có Nghĩa, kẻ cầm quyền chỉ nhìn thấy có cái lợi cho cá nhân mà thôi; kẻ đó chỉ có thể những lạm quyền thế, chiếm công vi tư, tham lam hối lộ vơ vét của dân, làm giàu trên xương máu của đồng bào.

Không có chữ Tín, người cầm quyền chỉ là những người không thật lòng, nói một đường làm một nẻo, khiến cho kẻ dưới mất hết lòng tin.

Bởi vậy, Tam cương, Ngũ thường – Tam tòng Tứ đức, là đạo làm người, là tiêu chí tu dưỡng cho nam nữ; từ cấp lãnh đạo đất nước cho đến thường dân.

Trong một gia đình, người chồng có đủ Tam cương Ngũ thường, người vợ có đủ Tam tòng Tứ đức là một gia

đình hoàn toàn hạnh phúc. Họ và con cái sẽ có một gia đình hòa thuận, yên vui, được ăn ngon, mặc ấm. Đặc biệt việc giáo dục con cái, nếu cha mẹ không đủ Tam cương Ngũ thường và Tam tòng Tứ đức, tức là chưa đủ đạo đức làm người, thì đó là một gia đình bất hạnh và nhất là con cái sẽ chịu rất nhiều thiệt thòi.

Trong một quốc gia, mà người lãnh đạo có đầy đủ Tam cương Ngũ thường, có tác phong đạo đức, thì đất nước đó thanh bình thịnh vượng. Những người cầm quyền của một quốc gia nào, mà không có đủ Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín thì quả thật là một tai họa cho đất nước đó.

Như vậy, liệu Tam cương Ngũ thường, Tam tòng, Tứ đức có lạc hậu trong thời đại ngày nay không? Chúng ta khẳng định rằng: Tam cương, Ngũ thường, Tam tòng Tứ đức mãi mãi là “*khuôn vàng thước ngọc*” của con người ở mọi thời đại, nhưng phải linh động trong từng bối cảnh xã hội; tức là phải có sự thay đổi để phù hợp với xã hội mới.

Luân lý – Đạo đức là cái gốc của gia đình là nét văn hóa truyền thống của một dân tộc. Ngày nay sống trong môi trường kinh tế toàn cầu hóa, con người dễ quay lưng với truyền thống đạo đức của cha ông đã dày công gây dựng. Do đó tiêu chí Tam cương, Ngũ thường và Tam tòng Tứ đức là món quà vừa mang ý nghĩa cảnh tỉnh, báo động, vừa nhắc nhở ý thức bảo vệ vun đắp đạo đức gia phong, nhằm hướng chúng ta đến lẽ sống cao đẹp. Nên Tam cương, Ngũ thường và Tam tòng Tứ đức mãi hòa quyện, kết hợp với nhau và trở thành chuẩn mực đào luyện nhân cách của con người thuộc mọi thế hệ, mọi giai cấp, để làm tròn Nhơn đạo, hầu tiến lên lãnh vực Thiên đạo. Người xưa cho rằng:

“Muốn tu Thiên đạo, trước phải tu Nhơn đạo, nếu Nhơn đạo không tu, thì Thiên đạo rất xa vời.”

■ *Minh tâm Bửu giám*

Như vậy, có nghĩa là trước khi muốn trở thành Thần, Thánh, Tiên, Phật, thì điều đầu tiên phải học làm người, làm tròn bổn phận con người.

CHUNG

TƯ LIỆU THAM KHẢO

- 📖 *Kinh Thiên Đạo Thế Đạo.*
- 📖 *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.1 & Q.2*
- 📖 *Nữ Trung Tòng Phạm của Bà Đoàn Thị Điểm giảng cơ để bút.*
- 📖 *Các lời phê của Đức Phạm Hộ Pháp.*
- 📖 *Các quyển Lời thuyết đạo của Đức Hộ Pháp.*
- 📖 *Chơn sư và Thánh đạo nguyên tác của Đức Giám mục C. W. Leadbeater, Bản dịch Nguyễn Hữu Kiệt.*
- 📖 *Nho giáo / Trần Trọng Kim*
- 📖 *Giáo lý của Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Trảng*
- 📖 *Thánh ngôn sưu tập của Hiền tài Nguyễn Văn Hồng*
- 📖 *Tứ thư: Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh tử*
- 📖 *Nho Gia châm ngôn lục / Hàn Tinh sưu tập.*
- 📖 *Kinh Dịch / Bản dịch Ngô Tất Tố*
- 📖 *Lịch sử thế giới / Nguyễn Hiến Lê & Thanh Giang*
- 📖 *Từ điển thành ngữ điển tích / Trịnh Văn Thanh.*
- 📖 *Tôn giáo là gì? / Joon Yale – NXB An Tiêm*
- 📖 *Một số tài liệu rời sưu tập trên các báo chí và Internet*

1. Ngày xưa chồng nàng Tô Huệ bị đày đi lính thú phương xa, cô rất giỏi nữ công, nàng dệt thơ văn trên bức gấm, dâng lên vua, nhà vua mến tài nữ công của cô, nên cho chồng về với gia đình. Nên Thánh giáo Thất nương cũng có đề cập:

*Thương Tô Huệ hàng ngày dệt gấm,
Dâng tâm trung vào tận đến rồng.*

Đồng Đạo có thể đọc các ấn phẩm của tác giả, trên một số trang Web của Cao Đài giáo hay vào trực tiếp Website: datrungtu.net hoặc biên thư hay gọi điện về

LÊ THỊ HỒNG

130 đường Ông Ích Đường, quận Cẩm Lệ,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tél. 0511.3846687

Mob. 0989.754.420

Sẽ có sách in ấn thành phẩm

**TAM CANG NGŨ THƯỜNG
TAM TÙNG TỨ ĐỨC
THEO QUAN NIỆM HIỆN ĐẠI**

Soạn Giả: DẤ TRUNG TỬ